

## PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

### BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI

**Thông tư số 38/2011/TT-BLĐTBXH ngày 21 tháng 12 năm 2011 quy định Chương trình khung trình độ trung cấp nghề, Chương trình khung trình độ cao đẳng nghề cho một số nghề thuộc các nhóm nghề: Sản xuất và chế biến - Công nghệ kỹ thuật - Máy tính và công nghệ thông tin - Dịch vụ vận tải - Khách sạn, du lịch, thể thao và dịch vụ cá nhân**

(Tiếp theo Công báo số 11 + 12)

#### **Phụ lục 8**

**Chương trình khung trình độ trung cấp nghề, Chương trình khung trình độ cao đẳng nghề cho nghề “Điện dân dụng”**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 38/2011/TT-BLĐTBXH ngày 21 tháng 12 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội)*

#### **Phụ lục 8A**

#### **Chương trình khung trình độ trung cấp nghề**

Tên nghề: Điện dân dụng

Mã nghề: 40520404

Trình độ đào tạo: Trung cấp nghề

Đối tượng tuyển sinh: Tốt nghiệp Trung học phổ thông hoặc tương đương;

(Tốt nghiệp Trung học cơ sở thì phải học thêm phần văn hóa phổ thông theo quy định của Bộ Giáo dục và đào tạo);

Số lượng môn học, mô đun đào tạo: 36

Bằng cấp sau khi tốt nghiệp: Bằng tốt nghiệp Trung cấp nghề,

#### **I. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO**

##### *1. Kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp:*

- Kiến thức:

+ Trình bày được khái niệm cơ bản, công dụng, cấu tạo, nguyên lý làm việc của các loại thiết bị điện sử dụng trong nghề Điện dân dụng;

+ Hiểu được cách đọc các bản vẽ thiết kế của nghề điện dân dụng;

+ Vận dụng được các nguyên tắc trong lắp đặt phụ tải cho một căn hộ;

+ Vận dụng được những kiến thức cơ sở và chuyên môn để giải thích các tình huống trong lĩnh vực điện dân dụng;

+ Đạt trình độ A Tiếng Anh, trình độ A Tin học.

- Kỹ năng:

- + Lắp đặt được hệ thống điện cho căn hộ đúng yêu cầu kỹ thuật;
- + Lắp đặt, bảo dưỡng, sửa chữa, vận hành được các thiết bị điện dân dụng đảm bảo yêu cầu kỹ thuật và an toàn;
- + Sử dụng thành thạo các dụng cụ đo, kiểm tra điện và phát hiện kịp thời các sự cố về điện;
- + Đọc được bản vẽ sơ đồ thiết kế điện dân dụng đơn giản;
- + Tự học tập nâng cao trình độ theo đúng chuyên ngành;
- + Có kỹ năng giao tiếp, tổ chức và làm việc nhóm;
- + Hướng dẫn, bồi dưỡng kỹ năng nghề cho thợ bậc thấp.

*2. Chính trị, đạo đức; Thể chất và quốc phòng:*

- Chính trị, đạo đức:
  - + Có một số kiến thức phổ thông về chủ nghĩa Mác - Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh; Hiến pháp và Pháp luật của nhà nước;
  - + Có hiểu biết về đường lối chủ trương của Đảng về định hướng phát triển kinh tế - xã hội;
  - + Trung thành với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa;
  - + Thực hiện đầy đủ trách nhiệm, nghĩa vụ của người công dân, sống và làm việc theo Hiến pháp và Pháp luật;
  - + Có đạo đức, lương tâm nghề nghiệp, có ý thức kỷ luật và tác phong công nghiệp;
  - + Luôn có ý thức học tập, rèn luyện để nâng cao trình độ đáp ứng nhu cầu của công việc.
- Thể chất, quốc phòng:
  - + Đủ sức khỏe để làm việc lâu dài trong điều kiện năng động của các công ty lắp đặt điện dân dụng, cơ sở sửa chữa thiết bị điện gia dụng;
  - + Có hiểu biết về các phương pháp rèn luyện thể chất, ý thức xây dựng và bảo vệ Tổ quốc;
  - + Hiểu biết những kiến thức kỹ năng cơ bản cần thiết trong chương trình Giáo dục quốc phòng - An ninh;
  - + Có ý thức tổ chức kỷ luật và tinh thần cảnh giác cách mạng và sẵn sàng thực hiện nghĩa vụ bảo vệ Tổ quốc.

*3. Cơ hội việc làm:*

Sau khi tốt nghiệp học sinh sẽ:

- Trực tiếp tham gia lắp đặt, vận hành, bảo dưỡng, sửa chữa hệ thống điện dân dụng và thiết bị điện gia dụng;
- Làm việc trong các công ty xây lắp điện.

## **II. THỜI GIAN CỦA KHÓA HỌC VÀ THỜI GIAN THỰC HỌC TỐI THIỂU**

*1. Thời gian của khóa học và thời gian thực học tối thiểu:*

- Thời gian đào tạo: 2 năm

- Thời gian học tập: 90 tuần
- Thời gian thực học tối thiểu: 2550 giờ
- Thời gian ôn, kiểm tra hết môn học, mô đun và thi tốt nghiệp: 210 giờ;  
(Trong đó thi tốt nghiệp: 90 giờ)

2. *Phân bố thời gian thực học tối thiểu:*

- Thời gian học các môn học chung bắt buộc: 210 giờ
- Thời gian học các môn học, mô đun đào tạo nghề: 2340 giờ
- + Thời gian học bắt buộc: 1770 giờ; Thời gian học tự chọn: 570 giờ
- + Thời gian học lý thuyết: 690 giờ; Thời gian học thực hành: 1650 giờ

3. *Thời gian học văn hóa Trung học phổ thông đối với hệ tuyển sinh tốt nghiệp Trung học cơ sở:* 1200 giờ

(Danh mục các môn học văn hóa Trung học phổ thông và phân bố thời gian cho từng môn học theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo trong Chương trình khung giáo dục trung cấp chuyên nghiệp. Việc bố trí trình tự học tập các môn học phải theo logic sư phạm, đảm bảo học sinh có thể tiếp thu được các kiến thức, kỹ năng chuyên môn nghề có hiệu quả).

### III. DANH MỤC CÁC MÔN HỌC, MÔ ĐUN ĐÀO TẠO NGHỀ BẮT BUỘC, PHÂN BỐ THỜI GIAN

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun	Thời gian đào tạo (giờ)			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
<b>I</b>	<b><i>Các môn học chung</i></b>	<b>210</b>	<b>106</b>	<b>87</b>	<b>17</b>
MH 01	Chính trị	30	22	6	2
MH 02	Pháp luật	15	10	4	1
MH 03	Giáo dục thể chất	30	3	24	3
MH 04	Giáo dục quốc phòng - An ninh	45	28	13	4
MH 05	Tin học	30	13	15	2
MH 06	Ngoại ngữ (Anh văn)	60	30	25	5
<b>II</b>	<b><i>Các môn học, mô đun đào tạo nghề bắt buộc</i></b>	<b>1770</b>	<b>525</b>	<b>1140</b>	<b>105</b>
<b>II.1</b>	<b><i>Các môn học, mô đun kỹ thuật cơ sở</i></b>	<b>545</b>	<b>240</b>	<b>278</b>	<b>27</b>
MH 07	An toàn lao động	30	15	14	1
MH 08	Mạch điện	45	30	13	2
MH 09	Vẽ kỹ thuật	45	30	13	2
MH 10	Vẽ điện	30	10	18	2

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun	Thời gian đào tạo (giờ)			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
MH 11	Cơ kỹ thuật	45	30	13	2
MH 12	Vật liệu điện	30	15	13	2
MĐ 13	Khí cụ điện hạ thế	60	30	28	2
MĐ 14	Kỹ thuật điện tử cơ bản	120	30	84	6
MĐ 15	Nguội cơ bản	40	10	28	2
MĐ 16	Hàn điện cơ bản	40	10	28	2
MĐ 17	Động cơ đốt trong	30	15	13	2
MĐ 18	Kỹ năng giao tiếp	30	15	13	2
<b>II.2</b>	<b><i>Các môn học, mô đun chuyên môn nghề</i></b>	<b>1225</b>	<b>285</b>	<b>862</b>	<b>78</b>
MĐ 19	Đo lường điện và không điện	75	30	41	4
MĐ 20	Máy biến áp	90	30	55	5
MĐ 21	Động cơ điện xoay chiều không đồng bộ một pha	120	45	67	8
MĐ 22	Động cơ điện xoay chiều không đồng bộ ba pha	90	30	52	8
MĐ 23	Máy phát điện xoay chiều đồng bộ một	90	30	55	5
MĐ 24	Động cơ điện vạn năng	90	30	52	8
MĐ 25	Mạch điện chiếu sáng cơ bản	90	15	71	4
MĐ 26	Hệ thống điện căn hộ đường ống PVC nổi	90	15	71	4
MĐ 27	Thiết bị lạnh gia dụng	90	30	52	8
MĐ 28	Thiết bị nhiệt gia dụng	90	30	56	4
MĐ 29	Thực tập sản xuất	310	0	290	20
	<b>Tổng cộng</b>	<b>1980</b>	<b>631</b>	<b>1227</b>	<b>122</b>

#### IV. CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC, MÔ ĐUN ĐÀO TẠO BẮT BUỘC

(Nội dung chi tiết có Phụ lục kèm theo)

#### V. HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG CHƯƠNG TRÌNH KHUNG TRÌNH ĐỘ TRUNG CẤP NGHỀ ĐỂ XÁC ĐỊNH CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGHỀ

1. Hướng dẫn xác định danh mục các môn học, mô đun đào tạo tự chọn; thời gian, phân bố thời gian và chương trình cho môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn:

*1.1. Danh mục và phân phối thời gian môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn:*

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun tự chọn	Thời gian đào tạo (giờ)			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
MĐ 30	Kỹ thuật lắp đặt điện	150	30	114	6
MĐ 31	Điện tử ứng dụng	90	30	56	4
MĐ 32	Chuyên đề điều khiển lập trình cỡ nhỏ	90	30	56	4
MĐ 33	Thiết kế mạch bằng máy tính	120	30	85	5
MĐ 34	Kỹ thuật xung - số	150	45	99	6
MĐ 35	Kỹ thuật cảm biến	105	30	70	5
MĐ 36	Vi xử lý	75	30	42	3

*(Nội dung chi tiết có Phụ lục kèm theo)*

*1.2. Hướng dẫn xây dựng chương trình các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn:*

- Căn cứ vào Quyết định số 58/2008/QĐ-BLĐTBXH, ngày 09 tháng 6 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, việc phân bổ thời gian cho các môn học, mô đun đào tạo nghề được quy định như sau:

+ Thời gian dành cho các môn học, mô đun đào tạo nghề bắt buộc chiếm từ 70% đến 80%, dành cho các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn chiếm từ 20% đến 30%;

+ Thời gian giữa lý thuyết và thực hành: lý thuyết chiếm từ 25% đến 35%, thực hành chiếm từ 65% đến 75%.

- Ngoài các môn học, mô đun đào tạo bắt buộc nêu trong mục III, các Cơ sở dạy nghề có thể tự xây dựng các môn học, mô đun đào tạo tự chọn hoặc lựa chọn trong số các môn học, mô đun đào tạo tự chọn được đề nghị trong chương trình khung tại mục V, tiêu đề mục 1.1;

- Thời gian dành cho các môn học, mô đun đào tạo tự chọn được thiết kế sao cho tổng thời gian của các môn học, mô đun đào tạo tự chọn cộng với tổng thời gian của các môn học, mô đun đào tạo bắt buộc bằng hoặc lớn hơn thời gian thực học tối thiểu đã quy định nhưng không được vượt quá thời gian thực học đã quy định trong kế hoạch đào tạo của toàn khóa học;

- Có thể lựa chọn các môn học, mô đun tự chọn theo bảng sau:

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun tự chọn	Thời gian đào tạo (giờ)			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
MĐ 30	Kỹ thuật lắp đặt điện	150	30	114	6
MĐ 32	Chuyên đề điều khiển lập trình cỡ nhỏ	90	30	56	4
MĐ 34	Kỹ thuật xung - số	150	45	99	6
MĐ 35	Kỹ thuật cảm biến	105	30	70	5
MĐ 36	Vi xử lý	75	30	42	3
	<b>Tổng cộng</b>	<b>570</b>	<b>165</b>	<b>381</b>	<b>24</b>

(Nội dung chi tiết có Phụ lục kèm theo)

2. Hướng dẫn thi tốt nghiệp:

Số TT	Môn thi	Hình thức thi	Thời gian thi
1	Chính trị	Viết Vấn đáp	Không quá 120 phút Không quá 60 phút (40 phút chuẩn bị, trả lời 20 phút/học sinh)
2	Văn hóa Trung học phổ thông đối với hệ tuyển sinh Trung học cơ sở	Viết, trắc nghiệm	Theo quy định của Bộ Giáo dục và đào tạo
3	Kiến thức, kỹ năng nghề:		
	- Lý thuyết nghề	Viết Vấn đáp Trắc nghiệm	Không quá 180 phút Không quá 60 phút (40 phút chuẩn bị và trả lời 20 phút) Không quá 90 phút
	- Thực hành nghề	Bài thi thực hành	Không quá 24 giờ
	* Mô đun tốt nghiệp (tích hợp lý thuyết với thực hành)	Bài thi tích hợp lý thuyết và thực hành	Không quá 24 giờ

3. Hướng dẫn xác định thời gian và nội dung cho các hoạt động giáo dục ngoại khóa (được bố trí ngoài thời gian đào tạo) nhằm đạt được mục tiêu giáo dục toàn diện:

- Để học sinh có nhận thức đầy đủ về nghề nghiệp đang theo học, trường có thể bố trí tham quan một số cơ sở sản xuất, kinh doanh phù hợp với nghề đào tạo;
- Thời gian tham quan được bố trí ngoài thời gian đào tạo chính khóa.

<b>Số TT</b>	<b>Nội dung</b>	<b>Thời gian</b>
1	Thể dục, thể thao	5 giờ đến 6 giờ; 17 giờ đến 18 giờ hàng ngày
2	Văn hóa, văn nghệ: Qua các phương tiện thông tin đại chúng Sinh hoạt tập thể	Ngoài giờ học hàng ngày 19 giờ đến 21 giờ (một buổi/tuần)
3	Hoạt động thư viện Ngoài giờ học, học sinh có thể đến thư viện đọc sách và tham khảo tài liệu	Tất cả các ngày làm việc trong tuần
4	Vui chơi, giải trí và các hoạt động đoàn thể	Đoàn thanh niên tổ chức các buổi giao lưu, các buổi sinh hoạt vào các tối thứ bảy, chủ nhật
5	Đi thực tế	Theo thời gian bố trí của giáo viên và theo yêu cầu của môn học, mô đun

#### 4. Các chú ý khác:

- Đào tạo sơ cấp nghề, có thể chọn các môn học, mô đun đào tạo nghề bắt buộc của chương trình khung này để biên soạn thành chương trình đào tạo;
- Khi các Cơ sở dạy nghề thiết kế hoặc lựa chọn xong các môn học, mô đun tự chọn, có thể xếp sắp lại mã môn học, mô đun trong chương trình đào tạo của Cơ sở mình để dễ theo dõi và quản lý./.

**Phụ lục 8B**  
**Chương trình khung trình độ cao đẳng nghề**

Tên nghề: Điện dân dụng

Mã nghề: 50520404

Trình độ đào tạo: Cao đẳng nghề

Đối tượng tuyển sinh: Tốt nghiệp Trung học phổ thông hoặc tương đương;

Số lượng môn học, mô đun đào tạo: 44

Bằng cấp sau khi tốt nghiệp: Bằng tốt nghiệp Cao đẳng nghề,

### **I. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO**

#### *2. Kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp:*

##### - Kiến thức:

+ Trình bày được khái niệm cơ bản, công dụng, cấu tạo, nguyên lý làm việc của các loại thiết bị điện sử dụng trong nghề Điện dân dụng;

+ Hiểu được cách đọc các bản vẽ thiết kế của nghề điện dân dụng và phân tích được nguyên lý các bản vẽ thiết kế điện;

+ Vận dụng được các nguyên tắc trong thiết kế và lắp đặt phụ tải cho một căn hộ;

+ Giải thích được nguyên lý hoạt động các mạch điện của thiết bị tự động điều khiển dùng trong dân dụng;

+ Nắm vững các kiến thức về quản lý kỹ thuật, quản lý nhân sự;

+ Vận dụng được những kiến thức cơ sở và chuyên môn để giải thích các tình huống trong lĩnh vực điện dân dụng;

+ Đạt trình độ B Tiếng Anh, trình độ B Tin học.

##### - Kỹ năng:

+ Lắp đặt được hệ thống điện cho căn hộ đúng yêu cầu kỹ thuật;

+ Lắp đặt, bảo dưỡng, sửa chữa, vận hành được các thiết bị điện dân dụng đảm bảo yêu cầu kỹ thuật và an toàn;

+ Sửa chữa được các hư hỏng thường gặp trong các mạch điện của thiết bị tự động điều khiển dùng trong dân dụng;

+ Sử dụng thành thạo các dụng cụ đo, kiểm tra điện và phát hiện kịp thời, sửa chữa tốt các sự cố về điện;

+ Lắp đặt và vận hành được các thiết bị có công nghệ hiện đại theo tài liệu hướng dẫn;

+ Tự học tập, nghiên cứu khoa học theo đúng chuyên ngành đào tạo;



- + Có kỹ năng giao tiếp, tổ chức và làm việc nhóm;
- + Hướng dẫn, bồi dưỡng kỹ năng nghề cho thợ bậc thấp.

### 3. Chính trị, đạo đức; Thể chất và quốc phòng:

- Chính trị, đạo đức:
  - + Nắm được kiến phổ thông về chủ nghĩa Mác - Lê nin; tư tưởng Hồ Chí Minh;
  - + Hiểu biết Hiến pháp, Pháp luật, quyền và nghĩa vụ của người công dân nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
  - + Trung thành với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc Việt Nam Xã hội Chủ nghĩa;
  - + Thực hiện đầy đủ trách nhiệm, nghĩa vụ của người công dân, sống và làm việc theo Hiến pháp và Pháp luật;
  - + Có đạo đức, lương tâm nghề nghiệp, có ý thức kỷ luật và tác phong công nghiệp;
  - + Luôn có ý thức học tập, rèn luyện để nâng cao trình độ đáp ứng nhu cầu của công việc.
- Thể chất, quốc phòng:
  - + Đủ sức khỏe để làm việc lâu dài trong điều kiện năng động của các công ty lắp đặt điện dân dụng, cơ sở sửa chữa thiết bị điện gia dụng;
  - + Có hiểu biết về các phương pháp rèn luyện thể chất, ý thức xây dựng và bảo vệ Tổ quốc;
  - + Hiểu biết những kiến thức kỹ năng cơ bản cần thiết trong chương trình Giáo dục quốc phòng - An ninh;
  - + Có ý thức tổ chức kỷ luật và tinh thần cảnh giác cách mạng và sẵn sàng thực hiện nghĩa vụ bảo vệ Tổ quốc.

### 4. Cơ hội việc làm:

- Trực tiếp tham gia lắp đặt, vận hành, bảo dưỡng, sửa chữa hệ thống điện dân dụng và thiết bị điện gia dụng;
- Làm việc trong các công ty xây lắp điện dân dụng;
- Tổ chức và quản lý cơ sở sửa chữa thiết bị điện gia dụng.

## II. THỜI GIAN CỦA KHÓA HỌC VÀ THỜI GIAN THỰC HỌC TỐI THIỂU

### 1. Thời gian của khóa học và thời gian thực học tối thiểu:

- Thời gian đào tạo: 3 năm
- Thời gian học tập: 131 tuần
- Thời gian thực học tối thiểu: 3750 giờ
- Thời gian ôn, kiểm tra hết môn học, mô đun và thi tốt nghiệp: 300 giờ;  
(Trong đó thi tốt nghiệp: 90 giờ)

2. Phân bổ thời gian thực học tối thiểu:

- Thời gian học các môn học chung bắt buộc: 450 giờ
- Thời gian học các môn học, mô đun đào tạo nghề: 3300 giờ
- + Thời gian học bắt buộc: 2475 giờ; Thời gian học tự chọn: 825 giờ
- + Thời gian học lý thuyết: 990 giờ; Thời gian học thực hành: 2310 giờ

**III. DANH MỤC CÁC MÔN HỌC, MÔ ĐUN ĐÀO TẠO NGHỀ BẮT BUỘC, PHÂN BỐ THỜI GIAN**

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun	Thời gian đào tạo (giờ)			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
<b>I</b>	<b>Các môn học chung</b>	<b>450</b>	<b>220</b>	<b>200</b>	<b>30</b>
MH 01	Chính trị	90	60	24	6
MH 02	Pháp luật	30	21	7	2
MH 03	Giáo dục thể chất	60	4	52	4
MH 04	Giáo dục quốc phòng - An ninh	75	58	13	4
MH 05	Tin học	75	17	54	4
MH 06	Ngoại ngữ (Anh văn)	120	60	50	10
<b>II</b>	<b>Các môn học, mô đun đào tạo nghề bắt buộc</b>	<b>2475</b>	<b>810</b>	<b>1515</b>	<b>150</b>
<b>II.1</b>	<b>Các môn học, mô đun kỹ thuật cơ sở</b>	<b>590</b>	<b>285</b>	<b>275</b>	<b>30</b>
MH 07	An toàn lao động	30	15	14	1
MH 08	Mạch điện	60	45	13	2
MH 09	Vẽ kỹ thuật	45	30	13	2
MH 10	Vẽ điện	30	10	18	2
MH 11	Cơ kỹ thuật	45	30	13	2
MH 12	Vật liệu điện	30	15	13	2
MĐ 13	Khí cụ điện hạ thế	90	45	42	3
MĐ 14	Kỹ thuật điện tử cơ bản	120	45	67	8
MĐ 15	Nguội cơ bản	40	10	28	2
MĐ 16	Hàn điện cơ bản	40	10	28	2
MĐ 17	Động cơ đốt trong	30	15	13	2
MĐ 18	Kỹ năng giao tiếp	30	15	13	2

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun	Thời gian đào tạo (giờ)			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
<b>II.2</b>	<b>Các môn học, mô đun chuyên môn nghề</b>	<b>1885</b>	<b>525</b>	<b>1240</b>	<b>120</b>
MĐ 19	Đo lường điện và không điện	75	30	41	4
MĐ 20	Máy biến áp	120	30	82	8
MĐ 21	Động cơ điện xoay chiều không đồng bộ một pha	120	45	67	8
MĐ 22	Động cơ điện xoay chiều không đồng bộ ba pha	90	30	52	8
MĐ23	Máy phát điện xoay chiều đồng bộ một pha	120	45	67	8
MĐ 24	Động cơ điện vạn năng	90	30	52	8
MĐ 25	Mạch điện chiếu sáng cơ bản	90	15	71	4
MĐ 26	Thiết kế mạng điện dân dụng	120	45	67	8
MĐ 27	Hệ thống điện căn hộ đường ống PVC nổi	90	15	71	4
MĐ 28	Kỹ thuật xung	60	30	27	3
MĐ 29	Kỹ thuật số	60	30	27	3
MĐ 30	Kỹ thuật cảm biến	120	45	67	8
MĐ 31	Thiết bị tự động điều khiển dân dụng	180	60	108	12
MĐ 32	Thiết bị lạnh gia dụng	90	30	52	8
MĐ 33	Thiết bị nhiệt gia dụng	90	30	56	4
MĐ 34	Tổ chức sản xuất	30	15	13	2
MĐ 35	Thực tập sản xuất	340	0	320	20
<b>Tổng cộng</b>		<b>2925</b>	<b>1030</b>	<b>1715</b>	<b>180</b>

#### IV. CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC, MÔ ĐUN ĐÀO TẠO BẮT BUỘC:

(Nội dung chi tiết có Phụ lục kèm theo)

#### V. HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG CHƯƠNG TRÌNH KHUNG TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG NGHỀ ĐỂ XÁC ĐỊNH CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGHỀ:

1. Hướng dẫn xác định danh mục các môn học, mô đun đào tạo tự chọn; thời gian, phân bố thời gian và chương trình cho môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn:

1.1. Danh mục và phân phối thời gian môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn:

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun tự chọn	Thời gian đào tạo (giờ)			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
MĐ 36	Kỹ thuật lắp đặt điện	150	30	112	8
MĐ 37	Mạch điện dân dụng tự động điều khiển và bảo vệ	210	45	149	16
MĐ 38	Thiết kế mạng bằng máy tính	150	30	116	4
MĐ 39	Điện tử ứng dụng	105	30	71	4
MĐ 40	Chuyên đề lập trình cỡ nhỏ	150	30	112	8
MĐ 41	Quản dây máy điện nâng cao	120	15	97	8
MĐ 42	Điện tử công suất	120	30	82	8
MĐ 43	Vi xử lý	90	30	52	8
MĐ 44	PLC	180	30	142	8

(Nội dung chi tiết có Phụ lục kèm theo)

1.2. Hướng dẫn xây dựng chương trình các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn:

- Căn cứ vào Quyết định số 58/2008/QĐ-BLĐTBXH, ngày 09 tháng 06 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội, việc phân bổ thời gian cho các môn học, mô đun đào tạo nghề được quy định như sau:

+ Thời gian dành cho các môn học, mô đun đào tạo nghề bắt buộc chiếm từ 70% đến 80%, dành cho các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn chiếm từ 20% đến 30%;

+ Thời gian giữa lý thuyết và thực hành: lý thuyết chiếm từ 25% đến 35%, thực hành chiếm từ 65% đến 75%.

- Ngoài các môn học, mô đun đào tạo bắt buộc nêu trong mục III, các Cơ sở dạy nghề có thể tự xây dựng các môn học, mô đun đào tạo tự chọn hoặc lựa chọn trong số các môn học, mô đun đào tạo tự chọn được đề nghị trong chương trình khung tại mục V, tiêu đề mục 1.1;

- Thời gian dành cho các môn học, mô đun đào tạo tự chọn được thiết kế sao cho tổng thời gian của các môn học, mô đun đào tạo tự chọn cộng với tổng thời gian của các môn học, mô đun đào tạo bắt buộc bằng hoặc lớn hơn thời gian thực học tối thiểu đã quy định nhưng không được vượt quá thời gian thực học đã quy định trong kế hoạch đào tạo của toàn khóa học;

- Có thể lựa chọn các môn học, mô đun tự chọn theo bảng sau:

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun tự chọn	Thời gian đào tạo (giờ)			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
MĐ 37	Mạch điện dân dụng tự động điều khiển và bảo vệ	210	45	149	16
MĐ 38	Thiết kế mạng bằng máy tính	150	30	116	4
MĐ 39	Điện tử ứng dụng	105	30	71	4
MĐ 40	Chuyên đề lập trình cỡ nhỏ	150	30	82	8
MĐ 41	Quản dây máy điện nâng cao	120	15	97	8
MĐ 43	Vi xử lý	90	30	52	8
<b>Tổng cộng</b>		<b>825</b>	<b>180</b>	<b>597</b>	<b>48</b>

(Nội dung chi tiết có Phụ lục kèm theo)

## 2. Hướng dẫn thi tốt nghiệp:

Số TT	Môn thi	Hình thức thi	Thời gian thi
1	Chính trị	Viết Vấn đáp	Không quá 120 phút Không quá 60 phút (40 phút chuẩn bị, trả lời 20 phút/sinh viên)
2	Kiến thức, kỹ năng nghề: - Lý thuyết nghề	Viết Vấn đáp	Không quá 180 phút Không quá 60 phút (40 phút chuẩn bị, trả lời 20 phút/sinh viên)
		Trắc nghiệm	Không quá 90 phút
	- Thực hành nghề	Bài thi thực hành	Không quá 24 giờ
	* Mô đun tốt nghiệp (tích hợp lý thuyết với thực hành)	Bài thi tích hợp lý thuyết và thực hành	Không quá 24 giờ

3. Hướng dẫn xác định thời gian và nội dung cho các hoạt động giáo dục ngoại khóa (được bố trí ngoài thời gian đào tạo) nhằm đạt được mục tiêu giáo dục toàn diện:

- Để sinh viên có nhận thức đầy đủ về nghề nghiệp đang theo học, Cơ sở dạy nghề có thể bố trí tham quan một số cơ sở sản xuất, kinh doanh phù hợp với nghề đào tạo;

- Thời gian tham quan được bố trí ngoài thời gian đào tạo chính khóa.

Số TT	Nội dung	Thời gian
1	Thể dục, thể thao	5 giờ đến 6 giờ; 17 giờ đến 18 giờ hàng ngày
2	Văn hóa, văn nghệ: Qua các phương tiện thông tin đại chúng Sinh hoạt tập thể	Ngoài giờ học hàng ngày 19 giờ đến 21 giờ (một buổi/tuần)
3	Hoạt động thư viện Ngoài giờ học, sinh viên có thể đến thư viện đọc sách và tham khảo tài liệu	Tất cả các ngày làm việc trong tuần
4	Vui chơi, giải trí và các hoạt động đoàn thể	Đoàn thanh niên tổ chức các buổi giao lưu, các buổi sinh hoạt vào các tối thứ bảy, chủ nhật
5	Đi thực tế	Theo thời gian bố trí của giáo viên và theo yêu cầu của môn học, mô đun

#### 4. Các chú ý khác:

- Đào tạo sơ cấp nghề, có thể chọn các môn học, mô đun đào tạo nghề bắt buộc của chương trình khung này để biên soạn thành chương trình đào tạo;

- Khi các Cơ sở dạy nghề thiết kế hoặc lựa chọn xong các môn học, mô đun tự chọn, có thể sắp xếp lại mã môn học, mô đun trong chương trình đào tạo của Cơ sở mình để dễ theo dõi và quản lý./.

**Phụ lục 9****Chương trình khung trình độ trung cấp nghề, Chương trình khung trình độ cao đẳng nghề cho nghề “ Điều khiển tàu biển”**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 38/2011/T -BLĐTBXH ngày 21 tháng 12 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội)

**Phụ lục 9A****Chương trình khung trình độ trung cấp nghề**

Tên nghề: Điều khiển tàu biển

Mã nghề: 40840104

Trình độ đào tạo: Trung cấp nghề

Đối tượng tuyển sinh: Tốt nghiệp Trung học phổ thông hoặc tương đương; (Tốt nghiệp Trung học cơ sở thì học thêm phần văn hóa phổ thông theo quy định của Bộ Giáo dục và đào tạo);

Số lượng môn học, mô đun đào tạo: 53

Bằng cấp sau khi tốt nghiệp: Bằng tốt nghiệp Trung cấp nghề,

**I. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO****1. Kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp:**

- Kiến thức:

+ Nắm vững được các yêu cầu về chuẩn kiến thức của thuyền viên được quy định tại các điều: A-II/1; A-II/3; A-II/4 của Công ước quốc tế về tiêu chuẩn huấn luyện, cấp chứng chỉ và trực ca cho thuyền viên (STCW78) sửa đổi năm 2010;

+ Biết các phương pháp nhận dạng các loại dây được sử dụng trên tàu biển và vận dụng được kiến thức thủy nghiệp để sử dụng, bảo quản và bảo dưỡng các loại dây đó;

+ Trình bày được kiến thức về sơn tàu biển, kỹ thuật gỡ gỉ, kỹ thuật bảo quản thiết bị trên boong khi thực hiện công việc bảo quản vỏ tàu;

+ Trình bày được kiến thức về hỗ trợ điều động để làm tốt công tác chuẩn bị trước khi điều động tàu, công tác lái tàu và công tác cảnh giới trong khi điều động tàu;

+ Phân tích được các yêu cầu về trực ca để duy trì ca trực an toàn;

+ Phân tích được những kiến thức về địa văn hàng hải nhằm xác định phương hướng trên biển, vị trí tàu và lập kế hoạch tuyến đường;

+ Nắm vững được kiến thức về thiên văn hàng hải để xác định sai số la bàn;

+ Phân tích được kiến thức về hàng hóa vận tải biển khi giám sát, thực hiện làm hàng an toàn và bảo quản hàng hóa trong khi vận chuyển;

+ Nắm được các quy định về an toàn phương tiện, an toàn lao động và bảo vệ môi trường;

+ Nắm được các kiến thức cơ bản của tiếng Anh chuyên ngành trong thông tin liên lạc và trong công việc.

- Kỹ năng:

+ Sử dụng được một số dụng cụ, khí cụ điện và bảng điện phục vụ trực tiếp cho việc vận hành khai thác các thiết bị trên boong, tắt mở đèn tín hiệu, đèn chiếu sáng;

+ Thực hiện đúng các biện pháp an toàn lao động và vệ sinh công nghiệp;

+ Có được các kỹ năng giao tiếp tốt với các thành viên trên tàu, đại lý, chủ tàu, chính quyền cảng, với hành khách (trên tàu khách);

+ Thực hiện tốt công tác quản trị tàu, khai thác tàu;

+ Thực hiện được công việc hỗ trợ điều động tàu;

+ Thực hiện tốt công tác thủy nghiệp;

+ Dẫn được tàu trên biển trong các điều kiện ngoại cảnh bình thường;

+ Vận hành và khai thác được các trang thiết bị ngành boong đúng tiêu chuẩn kỹ thuật;

+ Xử lý được bằng các hành động phù hợp khi tàu gặp tình huống nguy cấp;

+ Xử lý được bằng các hành động phù hợp khi gặp tàu khác đang gặp nạn;

+ Lựa chọn được thông tin và tài liệu để lập được kế hoạch tuyến đường;

+ Quản lý, tu chỉnh, ghi chép được các ấn phẩm hàng hải, hải đồ, các loại nhật ký ngành boong;

+ Giám sát được công việc làm hàng theo kế hoạch;

+ Chằng buộc được chắc chắn khi bảo quản, vận chuyển hàng hóa;

+ Giao tiếp được bằng tiếng Anh trong công việc.

*2. Chính trị, đạo đức; Thể chất và quốc phòng:*

- Chính trị, đạo đức:

+ Có kiến thức phổ thông về chủ nghĩa Mác - Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh về mục tiêu và đường lối cách mạng của Đảng và Nhà nước;

+ Nắm được cơ bản quyền, nghĩa vụ của người công dân nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam và thực hiện trách nhiệm, nghĩa vụ của người công dân;

+ Có tinh thần yêu nước và niềm tự hào dân tộc;

+ Có lương tâm nghề nghiệp, có tinh thần tập thể và sáng tạo trong lao động;

+ Có tác phong lao động công nghiệp, có kỷ luật và trách nhiệm trong công việc;

+ Làm việc tốt trong môi trường lao động đa quốc gia.



- Thể chất, quốc phòng:
- + Có kiến thức, kỹ năng về thể dục, thể thao cần thiết;
- + Nắm được phương pháp tập luyện nhằm bảo vệ và tăng cường sức khỏe, nâng cao thể lực để học tập và lao động sản xuất; có bản lĩnh của người đi biển để có thể công tác lâu dài trên tàu biển;
- + Có kiến thức và kỹ năng cơ bản trong chương trình Giáo dục quốc phòng - An ninh;
- + Nhận biết được tinh thần cơ bản của đường lối quân sự của Đảng và truyền thống cách mạng của Quân đội Nhân dân Việt Nam. Có tinh thần cảnh giác cách mạng, sẵn sàng chiến đấu để bảo vệ Tổ quốc.

### 3. Cơ hội việc làm:

- Sau tốt nghiệp, học sinh làm việc trên các tàu biển thuộc các công ty Vận tải biển trong nước và nước ngoài;
- Học sinh tốt nghiệp Trung cấp nghề ngành Điều khiển tàu biển được tham dự các khóa các khóa đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ, huấn luyện thuyền viên để được cấp Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn theo quy định của Quyết định số 31/2008/QĐ-BGTVT của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải;

- Học sinh có quyền học liên thông lên Cao đẳng nghề Điều khiển tàu biển.

## II. THỜI GIAN CỦA KHÓA HỌC VÀ THỜI GIAN THỰC HỌC TỐI THIỂU

### 1. Thời gian của khóa học và thời gian thực học tối thiểu:

- Thời gian đào tạo: 2 năm
- Thời gian học tập: 90 tuần
- Thời gian thực học tối thiểu: 2643 giờ
- Thời gian ôn, kiểm tra hết môn học, mô đun và thi tốt nghiệp: 208 giờ;  
(Trong đó thời gian thi tốt nghiệp: 60 giờ)

### 2. Phân bổ thời gian thực học tối thiểu:

- Thời gian học các môn học chung bắt buộc: 210 giờ
- Thời gian học các môn học, mô đun đào tạo nghề: 2433 giờ
- + Thời gian học bắt buộc: 1703 giờ; Thời gian học tự chọn: 730 giờ
- + Thời gian học lý thuyết: 831 giờ; Thời gian học thực hành: 1602 giờ

### 3. Thời gian học văn hóa Trung học phổ thông đối với hệ tuyển sinh tốt nghiệp Trung học cơ sở: 1200 giờ

(Danh mục các môn học văn hóa Trung học phổ thông và phân bổ thời gian cho từng môn học theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo trong chương trình khung giáo dục Trung cấp chuyên nghiệp. Việc bố trí trình tự học tập các môn học phải tuân theo logic sư phạm, đảm bảo học sinh có thể tiếp thu được các kiến thức, kỹ năng chuyên môn nghề có hiệu quả).

### III. DANH MỤC MÔN HỌC, MÔ ĐUN ĐÀO TẠO NGHỀ BẮT BUỘC, THỜI GIAN VÀ PHÂN BỐ THỜI GIAN

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun	Thời gian đào tạo (giờ)			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
<b>I</b>	<b><i>Các môn học chung</i></b>	<b>210</b>	<b>106</b>	<b>87</b>	<b>17</b>
MH 01	Chính trị	30	22	6	2
MH 02	Pháp luật	15	10	4	1
MH 03	Giáo dục thể chất	30	3	24	3
MH 04	Giáo dục quốc phòng - An ninh	45	28	13	4
MH 05	Tin học	30	13	15	2
MH 06	Ngoại ngữ (Anh văn)	60	30	25	5
<b>II</b>	<b><i>Các môn học, mô đun đào tạo nghề bắt buộc</i></b>	<b>1703</b>	<b>575</b>	<b>1033</b>	<b>95</b>
<b>II.1</b>	<b><i>Các môn học, mô đun kỹ thuật cơ sở</i></b>	<b>420</b>	<b>202</b>	<b>189</b>	<b>29</b>
MH 07	Toán hàng hải ứng dụng	30	28	0	2
MH 08	Cơ sở vô tuyến điện	30	18	10	2
MH 09	Điện tàu thủy	30	23	5	2
MH 10	Vẽ kỹ thuật	30	12	16	2
MĐ 11	Máy tàu thủy	30	11	16	3
MĐ 12	Lý thuyết tàu 1	30	18	10	2
MĐ 13	Tiếng Anh chuyên ngành hàng hải 1	60	20	34	6
MĐ 14	Tiếng Anh chuyên ngành hàng hải 2	60	30	26	4
MH 15	Thông tin liên lạc hàng hải	60	27	30	3
MH 16	Tin học hàng hải	60	15	42	3
<b>II.2</b>	<b><i>Các môn học, mô đun chuyên môn nghề</i></b>	<b>1283</b>	<b>373</b>	<b>844</b>	<b>66</b>
MĐ 17	Thủy nghiệp	90	20	64	6
MĐ 18	Thông hiệu hàng hải	30	8	20	2
MĐ 19	An toàn lao động hàng hải 1	40	10	26	4
MĐ 20	An toàn lao động hàng hải 2	40	10	26	4
MH 21	Bảo vệ môi trường biển 1	45	23	20	2
MĐ 22	Thiết bị trên boong	60	15	41	4

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun	Thời gian đào tạo (giờ)			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
MĐ 23	Bảo quản vỏ tàu	60	10	46	4
MH 24	La bàn từ 1	30	18	10	2
MĐ 25	Địa văn hàng hải 1	45	12	30	3
MĐ 26	Địa văn hàng hải 2	45	12	30	3
MĐ 27	Thiên văn hàng hải 1	30	13	15	2
MĐ 28	Khí tượng hải dương 1	30	13	15	2
MĐ 29	Máy VTD hàng hải 1	45	12	30	3
MĐ 30	Máy điện hàng hải 1	45	12	30	3
MH 31	Luật hàng hải 1	30	18	10	2
MH 32	COLREG 72 1	30	8	20	2
MĐ 33	Trục ca	38	20	16	2
MĐ 34	Điều động tàu 1	30	13	15	2
MĐ 35	Điều động tàu 2	45	18	25	2
MH 36	Hàng hóa VTB 1	30	13	15	2
MH 37	Hàng hóa VTB 2	30	13	15	2
MH 38	Công ước quốc tế	45	28	15	2
MH 39	Bảo hiểm hàng hải	45	27	15	3
MH 40	Khai thác thương vụ	45	27	15	3
MĐ 41	Thực tập thủy thủ	120	0	120	0
MĐ 42	Thực tập tốt nghiệp	160	0	160	0
<b>Tổng cộng</b>		<b>1913</b>	<b>681</b>	<b>1120</b>	<b>112</b>

#### IV. CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC, MÔ ĐUN ĐÀO TẠO BẮT BUỘC

(Nội dung chi tiết có Phụ lục kèm theo)

#### V. HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG CHƯƠNG TRÌNH KHUNG TRÌNH ĐỘ TRUNG CẤP NGHỀ ĐỂ XÁC ĐỊNH CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGHỀ

1. Hướng dẫn xác định danh mục các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn; thời gian, phân bổ thời gian và chương trình môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn:

1.1. Danh mục và phân bổ thời gian cho các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn:

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun	Thời gian đào tạo (giờ)			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
MĐ 43	Hàn cơ bản	40	10	26	4
MH 44	Khai thác máy tàu biển	45	10	33	2
MĐ 45	Sửa chữa thiết bị điện tàu biển	60	13	43	4
MH 46	Toán cao cấp	75	72	0	3
MH 47	Vật lý	60	42	15	3
MĐ 48	Hội thoại VHF + Tiếng Anh thương vụ	60	10	46	4
MH 49	Quản lý nhân lực buồng lái	30	13	15	2
MH 50	Địa lý hàng hải	30	28	0	2
MĐ 51	Nghiệp vụ sỹ quan vận hành	60	10	46	4
MĐ 52	Nghiệp vụ sỹ quan quản lý	60	10	46	4
MĐ 53	Thực tập xưởng	120	0	120	0
MH 54	Quản trị doanh nghiệp	60	38	20	2
MH 55	Kỹ năng giao tiếp	30	0	28	2
MĐ 56	Nguội cơ bản	60	5	50	5

(Nội dung chi tiết có Phụ lục kèm theo)

1.2 Hướng dẫn xây dựng các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn:

- Ngoài các môn học, mô đun đào tạo bắt buộc các Cơ sở dạy nghề có thể tự xây dựng các môn học, mô đun đào tạo tự chọn hoặc lựa chọn trong số các môn học, mô đun đào tạo tự chọn được đề nghị trong chương trình khung;

- Thời gian dành cho các môn học, mô đun đào tạo tự chọn được thiết kế sao cho tổng thời gian của các môn học, mô đun đào tạo tự chọn cộng với tổng thời gian của các môn học, mô đun đào tạo bắt buộc bằng hoặc lớn hơn thời gian thực học tối thiểu đã quy định nhưng không được quá thời gian thực học đã quy định trong kế hoạch đào tạo của toàn khóa học;

- Có thể lựa chọn các môn học, mô đun tự chọn theo bảng sau:

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun	Thời gian đào tạo (giờ)			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
MĐ 43	Hàn cơ bản	40	10	26	4
MH 44	Khai thác máy tàu biển	45	10	33	2
MĐ 45	Sửa chữa thiết bị điện tàu biển	60	13	43	4

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun	Thời gian đào tạo (giờ)			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
MH 46	Toán cao cấp	75	72	0	3
MH 47	Vật lý	60	42	15	3
MĐ 48	Hội thoại VHF + Tiếng Anh thương vụ	60	10	46	4
MH 49	Quản lý nhân lực buồng lái	30	13	15	2
MH 50	Địa lý hàng hải	30	28	0	2
MĐ 51	Nghiệp vụ sỹ quan vận hành	60	10	46	4
MĐ 52	Nghiệp vụ sỹ quan quản lý	60	10	46	4
MĐ 53	Thực tập xưởng	120	0	120	0
MH 54	Quản trị doanh nghiệp	60	38	20	2
MH 55	Kỹ năng giao tiếp	30	0	28	2
<b>Tổng cộng</b>		<b>730</b>	<b>256</b>	<b>438</b>	<b>36</b>

(Nội dung chi tiết có Phụ lục kèm theo)

## 2. Hướng dẫn thi tốt nghiệp:

Số TT	Môn thi	Hình thức thi	Thời gian thi
1	Chính trị	Viết Vấn đáp	Không quá 120 phút Không quá 60 phút (làm bài 40 phút, trả lời 20 phút/học sinh)
2	Văn hóa Trung học phổ thông đối với hệ tuyển sinh Trung học cơ sở	Viết, trắc nghiệm	Theo quy định của Bộ Giáo dục và đào tạo
3	Kiến thức, kỹ năng nghề: * Mô đun tốt nghiệp (tích hợp giữa lý thuyết với thực hành)	Bài thi tích hợp lý thuyết và thực hành	Không quá 12 giờ

3. Hướng dẫn xác định thời gian và nội dung cho các hoạt động giáo dục ngoại khóa (được bố trí ngoài thời gian đào tạo) nhằm đạt được mục tiêu giáo dục toàn diện:

- Để học sinh có nhận thức đầy đủ về nghề nghiệp đang theo học, các Cơ sở dạy nghề có thể bố trí tham quan một số cơ sở sản xuất, kinh doanh phù hợp với nghề đào tạo;

- Thời gian tham quan được bố trí ngoài thời gian đào tạo chính khóa.

<b>Số TT</b>	<b>Nội dung</b>	<b>Thời gian</b>
1	Thể dục, thể thao	5 giờ đến 6 giờ; 17 giờ đến 18 giờ hàng ngày
2	Văn hóa, văn nghệ: Qua các phương tiện thông tin đại chúng Sinh hoạt tập thể	Ngoài giờ học hàng ngày 19 giờ đến 21 giờ (một buổi/tuần)
3	Hoạt động thư viện Ngoài giờ học, học sinh có thể đến thư viện đọc sách và tham khảo tài liệu	Tất cả các ngày làm việc trong tuần
4	Vui chơi, giải trí và các hoạt động đoàn thể	Đoàn thanh niên tổ chức các buổi giao lưu, các buổi sinh hoạt vào các tối thứ bảy, chủ nhật
5	Đi thực tế	Theo thời gian bố trí của giáo viên và theo yêu cầu của môn học, mô đun

#### 4. Các chú ý khác:

Khi các Cơ sở dạy nghề thiết kế hoặc lựa chọn xong các môn học, mô đun tự chọn, có thể xếp sắp lại mã môn học, mô đun trong chương trình đào tạo của Cơ sở mình để dễ theo dõi và quản lý./.

**Phụ lục 9B**  
**Chương trình khung trình độ cao đẳng nghề**

Tên nghề: Điều khiển tàu biển

Mã nghề: 50840104

Trình độ đào tạo: Cao đẳng nghề

Đối tượng tuyển sinh: Tốt nghiệp Trung học phổ thông hoặc tương đương;

Số lượng môn học, mô đun đào tạo: 69

Bằng cấp sau khi tốt nghiệp: Bằng tốt nghiệp Cao đẳng nghề,

## **I. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO**

### *1. Kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp:*

- Kiến thức:

+ Nắm vững được các yêu cầu về chuẩn kiến thức của thuyền viên được quy định tại các điều: A-II/1; A-II/2; A-II/3; A-II/4 của Công ước Quốc tế về tiêu chuẩn huấn luyện, cấp chứng chỉ và trực ca cho thuyền viên (STCW78) sửa đổi năm 2010;

+ Hiểu rõ về phương pháp nhận dạng các loại dây được sử dụng trên tàu biển và vận dụng được kiến thức thủy nghiệp trong quá trình sử dụng, bảo quản và bảo dưỡng các loại dây đó;

+ Trình bày được kiến thức về sơn tàu biển, kỹ thuật gỡ gỉ, kỹ thuật bảo quản thiết bị trên boong khi thực hiện tốt công việc bảo quản vỏ tàu;

+ Trình bày được kiến thức về hỗ trợ điều động để làm tốt công tác chuẩn bị trước khi điều động tàu, công tác lái tàu và công tác cảnh giới trong khi điều động tàu;

+ Phân tích được các yêu cầu về trực ca để duy trì ca trực an toàn;

+ Phân tích được những kiến thức về địa văn hàng hải nhằm xác định phương hướng trên biển, vị trí tàu và lập kế hoạch tuyến đường;

+ Phân tích được kiến thức về thiên văn hàng hải để xác định sai số la bàn và xác định vị trí tàu;

+ Phân tích được kiến thức về hàng hóa vận tải biển để lập sơ đồ xếp, dỡ hàng, tính toán ổn định tàu, triển khai việc làm hàng, giám định mớn nước;

+ Biết phân tích bản đồ thời tiết và các thông tin khí tượng từ đó đưa ra được các giải pháp phù hợp để dẫn tàu an toàn;

+ Nắm vững được kiến thức về pháp luật hàng hải và các công ước hàng hải quốc tế để khai thác tàu an toàn;

+ Biết cách lựa chọn các phương án phù hợp để điều động tàu trong điều kiện đặc biệt;

- + Biết cách lựa chọn các biện pháp ứng phó phù hợp khi gặp tình huống nguy cấp xảy ra;
- + Nắm vững các quy định về an toàn phương tiện, an toàn lao động và bảo vệ môi trường;
- + Nắm vững được những kiến thức cơ bản, cần thiết về tiếng Anh chuyên ngành trong thông tin liên lạc và trong công việc.
- Kỹ năng:
  - + Thực hiện đúng các biện pháp an toàn lao động và vệ sinh công nghiệp;
  - + Sử dụng được một số dụng cụ, khí cụ điện và bảng điện phục vụ trực tiếp cho việc vận hành khai thác các thiết bị trên boong, tắt mở đèn tín hiệu, đèn chiếu sáng;
  - + Có được các kỹ năng giao tiếp tốt với các thành viên trên tàu, đại lý, chủ tàu, chính quyền cảng, với hành khách (trên tàu khách);
  - + Thực hiện tốt công tác quản trị tàu, khai thác tàu;
  - + Thực hiện được công việc hỗ trợ điều động tàu;
  - + Thực hiện tốt công tác thủy nghiệp;
  - + Dẫn được tàu trên biển trong các điều kiện ngoại cảnh bình thường;
  - + Vận hành và khai thác được các trang thiết bị ngành boong đúng tiêu chuẩn kỹ thuật;
  - + Xử lý được bằng các hành động phù hợp khi tàu gặp tình huống nguy cấp;
  - + Xử lý được bằng các hành động phù hợp khi gặp tàu khác đang gặp nạn;
  - + Lựa chọn được thông tin và tài liệu để lập được kế hoạch tuyến đường;
  - + Quản lý, tu chỉnh, ghi chép được các ấn phẩm hàng hải, hải đồ, các loại nhật ký ngành boong;
  - + Quản lý được chứng chỉ, bằng cấp của thuyền viên trên tàu;
  - + Thực hiện được công việc giám sát làm hàng theo kế hoạch;
  - + Chằng buộc được chắc chắn khi bảo quản, vận chuyển hàng hóa;
  - + Lập được kế hoạch chuyển đi;
  - + Lập được sơ đồ chất xếp hàng hóa;
  - + Lập được kế hoạch xếp, dỡ hàng hóa;
  - + Quản lý được giấy tờ, hồ sơ tàu;
  - + Lập được kế hoạch công việc cho bộ phận boong;
  - + Có khả năng dẫn tàu trong các điều kiện ngoại cảnh đặc biệt;
  - + Có khả năng xử lý được các tình huống nguy cấp;
  - + Có khả năng tổ chức và quản lý được nhân sự trên tàu;
  - + Triển khai được Hệ thống quản lý an toàn của chủ tàu;



- + Thực hiện được Kế hoạch an ninh trên tàu;
- + Giao tiếp được bằng tiếng Anh trong công việc.

### 2. Chính trị, đạo đức; Thể chất và quốc phòng:

- Chính trị, đạo đức:

+ Hiểu được một số kiến thức cơ bản về chủ nghĩa Mác - Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh về truyền thống yêu nước của dân tộc, của giai cấp công nhân Việt Nam, về vai trò lãnh đạo, đường lối chính sách của Đảng Cộng sản Việt Nam trong thời kỳ công nghiệp hóa - hiện đại hóa đất nước;

+ Nắm và thực hiện được quyền, nghĩa vụ của người công dân nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

+ Có nhận thức và biết giữ gìn, phát huy truyền thống của giai cấp công nhân, biết kế thừa và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc Việt Nam;

+ Tự giác học tập để nâng cao trình độ, hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao;

+ Vận dụng được những kiến thức đã học để tu dưỡng, rèn luyện trở thành người lao động có lương tâm nghề nghiệp, chủ động, sáng tạo, có ý thức trách nhiệm cao;

+ Có tinh thần yêu nước và niềm tự hào dân tộc;

+ Có lương tâm nghề nghiệp, có tinh thần tập thể và sáng tạo trong lao động;

+ Có tác phong lao động công nghiệp, có kỷ luật và trách nhiệm trong công việc;

+ Làm việc tốt trong môi trường lao động đa quốc gia.

- Thể chất và quốc phòng:

+ Hiểu được kiến thức, kỹ năng cơ bản và phương pháp tập luyện về thể dục thể thao nhằm bảo vệ và tăng cường sức khỏe, nâng cao thể lực để học tập, lao động trong lĩnh vực nghề nghiệp; có bản lĩnh của người đi biển để có thể công tác lâu dài trên tàu biển;

+ Hiểu được kiến thức, kỹ năng cơ bản trong chương trình Giáo dục quốc phòng - An ninh;

+ Nhận biết được tinh thần cơ bản của đường lối quân sự của Đảng và truyền thống cách mạng của Quân đội Nhân dân Việt Nam. Có tinh thần cảnh giác cách mạng, sẵn sàng chiến đấu để bảo vệ Tổ quốc.

### 3. Cơ hội việc làm:

- Sau tốt nghiệp, sinh viên làm việc trên các tàu biển thuộc các công ty Vận tải biển trong nước và nước ngoài;

- Sinh viên tốt nghiệp Cao đẳng nghề ngành Điều khiển tàu biển được tham dự các khóa các khóa đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ, huấn luyện thuyền viên để được cấp Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn theo quy định của Quyết định số 31/2008/QĐ-BGTVT của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải;

- Sinh viên có quyền học liên thông lên Đại học ngành Điều khiển tàu biển.

**II. THỜI GIAN CỦA KHÓA HỌC VÀ THỜI GIAN THỰC HỌC TỐI THIỂU***1. Thời gian của khóa học và thời gian thực học tối thiểu:*

- Thời gian đào tạo: 3 năm
- Thời gian học tập: 131 tuần
- Thời gian thực học tối thiểu: 3750 giờ
- Thời gian ôn, kiểm tra hết môn học, mô đun và thi tốt nghiệp: 253 giờ;  
(Trong đó thời gian thi tốt nghiệp: 60 giờ)

*2. Phân bổ thời gian thực học tối thiểu:*

- Thời gian học các môn học chung bắt buộc: 450 giờ
- Thời gian học các môn học, mô đun đào tạo nghề: 3300 giờ
- + Thời gian học bắt buộc: 2435 giờ; Thời gian học tự chọn: 865 giờ
- + Thời gian học lý thuyết: 855 giờ; Thời gian học thực hành: 2485 giờ

**III. DANH MỤC MÔN HỌC, MÔ ĐUN ĐÀO TẠO BẮT BUỘC, THỜI GIAN VÀ PHÂN BỐ THỜI GIAN**

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun	Thời gian đào tạo (giờ)			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
<b>I</b>	<b><i>Các môn học chung</i></b>	<b>450</b>	<b>220</b>	<b>200</b>	<b>30</b>
MH 01	Chính trị	90	60	24	6
MH 02	Pháp luật	30	21	7	2
MH 03	Giáo dục thể chất	60	4	52	4
MH 04	Giáo dục quốc phòng - An ninh	75	58	13	4
MH 05	Tin học	75	17	54	4
MH 06	Ngoại ngữ (Anh văn)	120	60	50	10
<b>II</b>	<b><i>Các môn học, mô đun đào tạo nghề bắt buộc</i></b>	<b>2435</b>	<b>679</b>	<b>1625</b>	<b>131</b>
<b>II.1</b>	<b><i>Các môn học, mô đun kỹ thuật cơ sở</i></b>	<b>525</b>	<b>201</b>	<b>288</b>	<b>36</b>
MH 07	Toán hàng hải ứng dụng	30	28	0	2
MH 08	Cơ sở vô tuyến điện	30	10	18	2
MH 09	Điện tàu thủy	30	11	16	3
MH 10	Vẽ kỹ thuật	30	12	16	2
MH 11	Máy tàu thủy	30	11	16	3
MĐ 12	Lý thuyết tàu 1	30	10	18	2
MĐ 13	Tiếng Anh chuyên ngành hàng hải 1	60	20	34	6
MĐ 14	Tiếng Anh chuyên ngành hàng hải 2	60	16	40	4
MĐ 15	Tiếng Anh chuyên ngành hàng hải 3	60	16	40	4

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun	Thời gian đào tạo (giờ)			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
MH 16	Toán cao cấp	75	32	40	3
MH 17	Vật lý	60	22	35	3
MĐ 18	Lý thuyết tàu 2	30	13	15	2
<b>II.2</b>	<b>Các môn học, mô đun chuyên môn nghề</b>	<b>1910</b>	<b>478</b>	<b>1337</b>	<b>95</b>
MĐ 19	Thủy nghiệp	90	20	64	6
MĐ 20	Thông hiệu hàng hải	30	8	20	2
MĐ 21	An toàn lao động hàng hải 1	40	10	26	4
MĐ 22	An toàn lao động hàng hải 2	40	10	26	4
MĐ 23	An toàn lao động hàng hải 3	40	10	26	4
MH 24	Bảo vệ môi trường biển 1	45	13	30	2
MH 25	Bảo vệ môi trường biển 2	30	12	16	2
MĐ 26	Thiết bị trên boong	60	15	41	4
MĐ 27	Bảo quản vỏ tàu	60	10	46	4
MH 28	La bàn từ 1	30	10	18	2
MH 29	La bàn từ 2	30	8	20	2
MĐ 30	Địa văn hàng hải 1	45	12	30	3
MĐ 31	Địa văn hàng hải 2	45	12	30	3
MĐ 32	Địa văn hàng hải 3	45	10	32	3
MĐ 33	Thiên văn hàng hải 1	30	13	15	2
MĐ 34	Thiên văn hàng hải 2	60	12	45	3
MĐ 35	Khí tượng hải dương 1	30	13	15	2
MĐ 36	Khí tượng hải dương 2	30	13	15	2
MĐ 37	Máy vô tuyến điện hàng hải 1	45	12	30	3
MĐ 38	Máy vô tuyến điện hàng hải 2	30	13	15	2
MĐ 39	Máy điện hàng hải 1	45	12	30	3
MĐ 40	Máy điện hàng hải 2	30	13	15	2
MH 41	Luật hàng hải 1	30	18	10	2
MH 42	Luật hàng hải 2	45	27	15	3
MH 43	COLREG 72 1	30	8	20	2
MH 44	COLREG 72 2	30	13	15	2
MĐ 45	Trục ca	45	18	25	2
MĐ 46	Điều động tàu 1	45	18	25	2
MĐ 47	Điều động tàu 2	45	18	25	2
MĐ 48	Điều động tàu 3	30	13	15	2
MH 49	Hàng hóa vận tải biển 1	30	13	15	2
MH 50	Hàng hóa vận tải biển 2	30	13	15	2

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun	Thời gian đào tạo (giờ)			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
MH 51	Hàng hóa vận tải biển 3	45	13	30	2
MH 52	Công ước quốc tế	45	15	28	2
MH 53	Bảo hiểm hàng hải	45	15	27	3
MH 54	Khai thác thương vụ	45	15	27	3
MĐ 55	Thực tập thủy thủ	160	0	160	0
MĐ 56	Thực tập tốt nghiệp	280	0	280	0
<b>Tổng cộng</b>		<b>2885</b>	<b>899</b>	<b>1825</b>	<b>161</b>

#### IV. CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC, MÔ ĐUN ĐÀO TẠO BẮT BUỘC

(Nội dung chi tiết có Phụ lục kèm theo)

#### V. HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG CHƯƠNG TRÌNH KHUNG TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG NGHỀ ĐỂ XÁC ĐỊNH CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGHỀ

1. Hướng dẫn xác định danh mục các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn; thời gian, phân bổ thời gian và chương trình môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn:

1.1. Danh mục và phân bổ thời gian cho các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn:

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun	Thời gian đào tạo (giờ)			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
MĐ 57	Hàn cơ bản	40	10	26	4
MH 58	Khai thác máy tàu biển	45	10	33	2
MĐ 59	Sửa chữa thiết bị điện tàu biển	60	13	43	4
MH 60	Thông tin liên lạc hàng hải	60	17	40	3
MĐ 61	Hội thoại VHF + Tiếng Anh thương vụ	60	10	46	4
MH 62	Quản lý nhân lực buồng lái	30	13	15	2
MĐ 63	Tin học hàng hải	60	15	42	3
MH 64	Địa lý hàng hải	30	28	0	2
MĐ 65	Nghiệp vụ sỹ quan vận hành	60	10	46	4
MĐ 66	Nghiệp vụ sỹ quan quản lý	60	10	46	4
MĐ 67	Thực tập xưởng	360	0	360	0

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun	Thời gian đào tạo (giờ)			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
MH 68	Quản trị doanh nghiệp	60	38	20	2
MH 69	Kỹ năng giao tiếp	30	0	28	2
MĐ 70	Nguội cơ bản	60	5	50	5

(Nội dung chi tiết có Phụ lục kèm theo)

### 1.2. Hướng dẫn xây dựng các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn:

- Ngoài các môn học, mô đun đào tạo bắt buộc các Cơ sở dạy nghề có thể tự xây dựng các môn học, mô đun đào tạo tự chọn hoặc lựa chọn trong số các môn học, mô đun đào tạo tự chọn được đề nghị trong chương trình khung;

- Thời gian dành cho các môn học, mô đun đào tạo tự chọn được thiết kế sao cho tổng thời gian của các môn học, mô đun đào tạo tự chọn cộng với tổng thời gian của các môn học, mô đun đào tạo bắt buộc bằng hoặc lớn hơn thời gian thực học tối thiểu đã quy định nhưng không được quá thời gian thực học đã quy định trong kế hoạch đào tạo của toàn khóa học;

- Có thể lựa chọn các môn học, mô đun tự chọn theo bảng sau:

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun	Thời gian đào tạo (giờ)			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
MĐ 57	Hàn cơ bản	40	10	26	4
MH 58	Khai thác máy tàu biển	45	10	33	2
MĐ 59	Sửa chữa thiết bị điện tàu biển	60	13	43	4
MH 60	Thông tin liên lạc hàng hải	60	17	40	3
MĐ 61	Hội thoại VHF + Tiếng Anh thương vụ	60	10	46	4
MH 62	Quản lý nhân lực buồng lái	30	13	15	2
MĐ 63	Tin học hàng hải	60	15	42	3
MH 64	Địa lý hàng hải	30	28	0	2
MĐ 65	Nghiệp vụ sỹ quan vận hành	60	10	46	4
MĐ 66	Nghiệp vụ sỹ quan quản lý	60	10	46	4
MĐ 67	Thực tập xưởng	360	0	360	0
<b>Tổng cộng</b>		<b>865</b>	<b>136</b>	<b>697</b>	<b>32</b>

(Nội dung chi tiết có Phụ lục kèm theo)

2. Hướng dẫn thi tốt nghiệp:

Số TT	Môn thi	Hình thức thi	Thời gian thi
1	Chính trị	Viết Vấn đáp	Không quá 120 phút Không quá 60 phút (làm bài 40 phút, trả lời 20 phút/học sinh)
2	Kiến thức, kỹ năng nghề:  * Mô đun tốt nghiệp (tích hợp giữa lý thuyết với thực hành)	Thi tích hợp lý thuyết và thực hành tại mô phỏng huấn luyện, tàu huấn luyện	Không quá 12 giờ

3. Hướng dẫn xác định thời gian và nội dung cho các hoạt động giáo dục ngoại khóa (được bố trí ngoài thời gian đào tạo) nhằm đạt được mục tiêu giáo dục toàn diện:

- Để sinh viên có nhận thức đầy đủ về nghề nghiệp đang theo học, trường có thể bố trí tham quan một số nơi như: tàu, cảng, nhà máy đóng tàu, trạm khí tượng thủy văn;
- Thời gian ngoại khóa được bố trí ngoài thời gian đào tạo chính khóa.

Số TT	Nội dung	Thời gian
1	Thể dục, thể thao	5 giờ đến 6 giờ; 17 giờ đến 18 giờ hàng ngày
2	Văn hóa, văn nghệ: Qua các phương tiện thông tin đại chúng Sinh hoạt tập thể	Ngoài giờ học hàng ngày 19 giờ đến 21 giờ (một buổi/tuần)
3	Hoạt động thư viện Ngoài giờ học, sinh viên có thể đến thư viện đọc sách và tham khảo tài liệu	Tất cả các ngày làm việc trong tuần
4	Vui chơi, giải trí và các hoạt động đoàn thể	Đoàn thanh niên tổ chức các buổi giao lưu, các buổi sinh hoạt vào các tối thứ bảy, chủ nhật
5	Đi thực tế	Theo thời gian bố trí của giáo viên và theo yêu cầu của môn học, mô đun

4. Các chú ý khác:

Khi các Cơ sở dạy nghề thiết kế hoặc lựa chọn xong các môn học, mô đun tự chọn, có thể xếp sắp lại mã môn học, mô đun trong chương trình đào tạo của Cơ sở mình để dễ theo dõi và quản lý./.

**Phụ lục 10****Chương trình khung trình độ trung cấp nghề cho nghề “Nghệ vụ nhà hàng”,  
Chương trình khung trình độ cao đẳng nghề cho nghề “Quản trị nhà hàng”**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 38/2011/TT-BLĐTBXH*

*ngày 21 tháng 12 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội)*

**Phụ lục 10A****Chương trình khung trình độ trung cấp nghề “Nghệ vụ nhà hàng”**

Tên nghề: Nghệ vụ nhà hàng

Mã nghề: 40810203

Trình độ đào tạo: Trung cấp nghề

Đối tượng tuyển sinh: Tốt nghiệp Trung học phổ thông hoặc tương đương;  
(Tốt nghiệp trung học cơ sở thì học thêm phần văn hóa phổ thông theo quy định của Bộ Giáo dục và đào tạo);

Số lượng môn học, mô đun đào tạo: 31

Bằng cấp sau khi tốt nghiệp: Bằng tốt nghiệp Trung cấp nghề,

**I. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO****1. Kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp:**

- Kiến thức:

+ Xác định được vị trí, chức năng, nhiệm vụ chung của bộ phận phục vụ ăn uống;  
+ Nêu được các mối quan hệ giữa bộ phận phục vụ ăn uống với các bộ phận có liên quan, nhiệm vụ hàng ngày của nhân viên và tiêu chuẩn vệ sinh trong phục vụ ăn uống;

+ Trình bày được các kiến thức chuyên môn về tổ chức, đón tiếp và phục vụ khách ăn uống tại các nhà hàng, khách sạn và các cơ sở kinh doanh ăn uống khác;

+ Nhận biết được các hình thức phục vụ: ăn theo thực đơn, chọn món, buffet, các loại tiệc, các loại đồ uống pha chế, đồ uống không cồn, đồ uống có cồn, các hình thức phục vụ khác;

+ Thực hiện được kỹ thuật đặt bàn ăn và phục vụ các bữa ăn điểm tâm, trưa, tối, tiệc Âu, Á; cách phục vụ một số các loại đồ uống với món ăn;

+ Phân tích được các quy trình chuyên môn liên quan đến tổ chức, đón tiếp và phục vụ khách ăn uống tại các nhà hàng, khách sạn và các cơ sở kinh doanh ăn uống khác;

+ Xác định chính xác được một số yêu cầu về chất lượng, vệ sinh, an toàn, an ninh, chu đáo và lịch sự trong quá trình phục vụ khách tại nhà hàng;

+ Trình bày được các kiến thức khác có liên quan đến nghề Nghiệp vụ nhà hàng như:

. Các kiến thức cơ bản về chính trị, pháp luật, quốc phòng;

. Các kiến thức bổ trợ nghề nghiệp như: ngoại ngữ, tin học, tâm lý và kỹ năng giao tiếp, kiến thức về thực phẩm và ăn uống (văn hóa ẩm thực, thương phẩm và an toàn thực phẩm, xây dựng thực đơn, nghiệp vụ chế biến món ăn, sinh lý dinh dưỡng), tổ chức sự kiện, kỹ thuật trang trí và cắm hoa, môi trường và an ninh - an toàn trong nhà hàng;

+ Giải thích được một số thuật ngữ cơ bản sử dụng trong một số tài liệu kỹ thuật nghề phục vụ nhà hàng bằng tiếng Anh trong quá trình tham gia lao động sản xuất.

- Kỹ năng:

+ Thực hiện được việc đón tiếp khách, tiếp nhận yêu cầu và thao tác phục vụ khách ăn uống trong môi trường một ca làm việc tại nhà hàng, khách sạn và các cơ sở kinh doanh ăn uống khác;

+ Thao tác đúng yêu cầu kỹ thuật trong việc đặt bàn ăn và phục vụ các bữa ăn điểm tâm, trưa, tối, tiệc Âu, Á; phục vụ một số các loại đồ uống với món ăn;

+ Phối hợp với các đồng nghiệp trong bộ phận để tổ chức đón tiếp khách, tiếp nhận yêu cầu về ăn uống của khách, chuyển yêu cầu của khách đến các bộ phận liên quan một cách chính xác và phục vụ khách các loại đồ uống, đồ ăn đúng quy trình phù hợp, đúng thời gian quy định và đảm bảo vệ sinh, an toàn;

+ Giao tiếp trôi chảy, hiệu quả với khách bằng tiếng Việt và bằng ít nhất một ngoại ngữ ở trình độ giao tiếp cơ bản;

+ Linh hoạt vận dụng được các kỹ năng nghề nghiệp trong việc tổ chức, đón tiếp và phục vụ khách ăn uống tại các nhà hàng, khách sạn và các cơ sở kinh doanh ăn uống khác, với các hình thức phục vụ đa dạng khác nhau;

+ Xử lý được các tình huống phát sinh trong quá trình phục vụ khách đảm bảo hài lòng khách hàng và cân đối quyền lợi của doanh nghiệp;

+ Thực hiện được các biện pháp vệ sinh, an ninh, an toàn và phòng chống cháy nổ trong quá trình chuẩn bị và phục vụ khách ăn uống;

+ Làm việc độc lập, làm việc theo nhóm và ứng dụng kỹ thuật, công nghệ vào công việc;

+ Tìm được việc làm, tự tạo việc làm hoặc tiếp tục học lên trình độ cao hơn sau khi tốt nghiệp;

+ Tham gia hướng dẫn đào tạo kỹ năng nghề cho thợ bậc thấp.

2. Chính trị, đạo đức; Thể chất và quốc phòng:

- Chính trị, đạo đức:



+ Nêu được một số kiến thức phổ thông, cơ bản về Chủ nghĩa Mác - Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh và chủ trương, chính sách, đường lối phát triển kinh tế của Đảng, về Hiến pháp và Pháp luật của Nhà nước;

+ Yêu nước, trung thành với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam Xã hội chủ nghĩa; thực hiện đầy đủ trách nhiệm, nghĩa vụ của người công dân; sống và làm việc theo Hiến pháp và Pháp luật;

+ Có hiểu biết về thành tựu và định hướng phát triển của ngành Du lịch Việt Nam;

+ Yêu nghề, có tác phong và thái độ phục vụ đúng đắn, phù hợp với thực tiễn ngành, nghề;

+ Có khả năng và thái độ tích cực làm việc độc lập và làm việc theo nhóm;

+ Có kỹ năng lao động nghề nghiệp, sống lành mạnh, phù hợp với phong tục tập quán, truyền thống văn hóa dân tộc và địa phương trong từng giai đoạn lịch sử;

+ Luôn có ý thức học tập và rèn luyện để nâng cao trình độ đáp ứng yêu cầu công việc.

- Thể chất, quốc phòng:

+ Xác định được các phương pháp rèn luyện thể chất và lựa chọn được phương pháp thích hợp bản thân;

+ Nắm được các kiến thức, kỹ năng cơ bản về thể dục thể thao và áp dụng được để tăng cường và bảo vệ sức khỏe;

+ Hình thành được lòng yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội, những hiểu biết cần thiết về quốc phòng toàn dân và lực lượng vũ trang nhân dân, xây dựng ý thức bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa;

+ Tích lũy được một số kiến thức về kỹ năng quân sự cần thiết làm cơ sở để học sinh thực hiện nhiệm vụ quân sự trong nhà trường, vận dụng nghề nghiệp chuyên môn phục vụ quốc phòng và sẵn sàng tham gia lực lượng vũ trang bảo vệ Tổ quốc.

### *3. Cơ hội việc làm:*

- Sau khi tốt nghiệp chương trình đào tạo Trung cấp nghề, học sinh trực tiếp tham gia phục vụ và bước đầu tham gia công việc quản lý tại các nhà hàng, khách sạn trong nước hoặc nước ngoài;

- Làm kỹ thuật viên nghiệp vụ Bàn, Bar tại các cơ sở nhà hàng trong nước và liên doanh;

- Làm giám sát viên nghiệp vụ Bàn, Bar;

- Làm tổ trưởng nghiệp vụ Bàn, Bar;

- Ngoài ra học sinh còn có năng lực để theo học liên thông lên các bậc học cao hơn để phát triển kiến thức và kỹ năng nghề.

**II. THỜI GIAN CỦA KHÓA HỌC VÀ THỜI GIAN THỰC HỌC TỐI THIỂU***1. Thời gian của khóa học và thời gian thực học tối thiểu:*

- Thời gian đào tạo: 2 năm
- Thời gian học tập: 90 tuần
- Thời gian thực học tối thiểu: 2550 giờ
- Thời gian ôn, kiểm tra hết môn học, mô đun và thi tốt nghiệp: 180 giờ;  
(Trong đó thi tốt nghiệp: 30 giờ)

*2. Phân bố thời gian thực học tối thiểu:*

- Thời gian học các môn học chung bắt buộc: 210 giờ
- Thời gian học các môn học, mô đun đào tạo nghề: 2340 giờ
- + Thời gian học bắt buộc: 1680 giờ; Thời gian học tự chọn: 660 giờ
- + Thời gian học lý thuyết: 702 giờ; Thời gian học thực hành: 1368 giờ

*3. Thời gian học văn hóa Trung học phổ thông đối với hệ tuyển sinh tốt nghiệp Trung học cơ sở: 1200 giờ*

(Danh mục các môn học văn hóa Trung học phổ thông và phân bố thời gian cho từng môn học theo quy định của Bộ Giáo dục và đào tạo trong chương trình khung giáo dục trung cấp chuyên nghiệp. Việc bố trí trình tự học tập các môn học phải theo logic sư phạm, đảm bảo học sinh có thể tiếp thu được các kiến thức, kỹ năng chuyên môn nghề hiệu quả).

**III. DANH MỤC MÔN HỌC, MÔ ĐUN ĐÀO TẠO NGHỀ BẮT BUỘC, THỜI GIAN VÀ PHÂN BỐ THỜI GIAN**

Mã MH, MD	Tên môn học, mô đun	Thời gian đào tạo (giờ)			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
<b>I</b>	<b><i>Các môn học chung</i></b>	<b>210</b>	<b>106</b>	<b>87</b>	<b>17</b>
MH 01	Chính trị	30	22	6	2
MH 02	Pháp luật	15	10	4	1
MH 03	Giáo dục thể chất	30	3	24	3
MH 04	Giáo dục quốc phòng - An ninh	45	28	13	4
MH 05	Tin học	30	13	15	2
MH 06	Ngoại ngữ (Anh văn)	60	30	25	5
<b>II</b>	<b><i>Các môn học, mô đun đào tạo nghề bắt buộc</i></b>	<b>1680</b>	<b>308</b>	<b>1308</b>	<b>64</b>
<b>II.1</b>	<b><i>Các môn học, mô đun kỹ thuật cơ sở</i></b>	<b>75</b>	<b>70</b>	<b>0</b>	<b>5</b>

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun	Thời gian đào tạo (giờ)			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
MH 07	Tổng quan du lịch	30	28	0	2
MH 08	Kỹ năng giao tiếp	45	42	0	3
<b>II.2</b>	<b>Các môn học, mô đun chuyên môn nghề</b>	<b>1605</b>	<b>238</b>	<b>1308</b>	<b>59</b>
MĐ 09	Ngoại ngữ chuyên ngành 1	300	50	230	20
MĐ 10	Nghiệp vụ bán	300	80	200	20
MĐ 11	Xây dựng thực đơn	45	28	14	3
MĐ 12	Kỹ năng bán hàng trong nhà hàng	30	28	0	2
MĐ 13	Tổ chức kinh doanh nhà hàng	60	24	32	4
MĐ 14	Nghiệp vụ bar	150	28	112	10
MĐ 15	Thực hành nghiệp vụ nhà hàng (tại cơ sở)	720	0	720	0
	<b>Tổng cộng</b>	<b>1890</b>	<b>414</b>	<b>1395</b>	<b>81</b>

#### IV. CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC, MÔ ĐUN ĐÀO TẠO BẮT BUỘC

(Nội dung chi tiết có Phụ lục kèm theo)

#### V. HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG CHƯƠNG TRÌNH KHUNG TRÌNH ĐỘ TRUNG CẤP NGHỀ ĐỂ XÁC ĐỊNH CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGHỀ

1. Hướng dẫn xác định danh mục các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn; thời gian, phân bổ thời gian và chương trình cho môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn:

1.1. Danh mục và phân bổ thời gian môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn:

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun tự chọn	Thời gian của môn học (giờ)			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
MH 16	Tâm lý khách du lịch	30	28	0	2
MH 17	Văn hóa ẩm thực	45	28	14	3
MH 18	Thương phẩm và an toàn thực phẩm	30	28	0	2
MH 19	Sinh lý dinh dưỡng	30	28	0	2
MĐ 20	Nghiệp vụ thanh toán	45	28	14	3
MH 21	Môi trường và an ninh - an toàn trong nhà hàng	30	28	0	2

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun tự chọn	Thời gian của môn học (giờ)			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
MH 22	Tổng quan cơ sở lưu trú du lịch	30	28	0	2
MĐ 23	Nghiệp vụ lưu trú	90	24	60	6
MĐ 24	Nghiệp vụ chế biến món ăn	120	52	60	8
MH 25	Nghiệp vụ văn phòng	45	42	0	3
MĐ 26	Ngoại ngữ chuyên ngành 2	150	45	96	9
MH 27	Tổ chức sự kiện	30	28	0	2
MH 28	Marketing du lịch	45	42	0	3
MH 29	Marketing căn bản	45	42	0	3
MĐ 30	Kỹ thuật trang điểm và cắm hoa	30	12	16	2
MĐ 31	Tin học ứng dụng trong kinh doanh	45	12	30	3

(Nội dung chi tiết có Phụ lục kèm theo)

1.2. Hướng dẫn xây dựng chương trình các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn:

- Căn cứ vào Quyết định số 58/2008/QĐ-BLĐTBXH ngày 09 tháng 6 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, việc phân bổ thời gian cho các môn học và các mô đun đào tạo nghề được quy định như sau:

+ Thời gian dành cho các môn học, mô đun đào tạo nghề bắt buộc chiếm từ 70% đến 80%, dành cho các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn chiếm từ 20% đến 30%;

+ Các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn được xác định dựa trên kết quả điều tra, khảo sát nghề nghiệp vụ nhà hàng ở nhiều doanh nghiệp trong cả nước và xét đến xu thế phát triển nghề trong giai đoạn tới. Để xác định thời gian đào tạo cho các mô đun tự chọn cũng cần phải phân tích công việc qua các phiếu phân tích công việc như đối với các mô đun đào tạo nghề bắt buộc;

- Ví dụ: có thể lựa chọn môn học, mô đun có trong danh mục môn học, mô đun lựa chọn ở trên để áp dụng và xây dựng đề cương chi tiết chương trình đào tạo, cụ thể như sau:

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun tự chọn	Thời gian của môn học (giờ)			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
MH 16	Tâm lý khách du lịch	30	28	0	2

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun tự chọn	Thời gian của môn học (giờ)			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
MH 17	Văn hóa ẩm thực	45	28	14	3
MH 18	Thương phẩm và an toàn thực phẩm	30	28	0	2
MH 19	Sinh lý dinh dưỡng	30	28	0	2
MĐ 20	Nghiệp vụ thanh toán	45	28	14	3
MH 21	Môi trường và an ninh - an toàn trong nhà hàng	30	28	0	2
MH 22	Tổng quan cơ sở lưu trú du lịch	30	28	0	2
MĐ 24	Nghiệp vụ chế biến món ăn	120	52	60	8
MH 25	Nghiệp vụ văn phòng	45	42	0	3
MĐ 26	Ngoại ngữ chuyên ngành 2	150	45	96	9
MH 27	Tổ chức sự kiện	30	28	0	2
MH 28	Marketing du lịch	45	42	0	3
MĐ 30	Kỹ thuật trang điểm và cắm hoa	30	12	16	2
<b>Tổng cộng</b>		<b>660</b>	<b>417</b>	<b>200</b>	<b>43</b>

- Ban chủ nhiệm xây dựng chương trình khung Trung cấp nghề đã xây dựng, ngoài các môn học, mô đun đào tạo bắt buộc nêu trong phần III, các cơ sở dạy nghề có thể tự xây dựng các môn học, mô đun đào tạo tự chọn hoặc lựa chọn trong số các môn học, mô đun đào tạo tự chọn được đề nghị trong chương trình khung phần V mục 1.1;

- Thời gian dành cho các môn học, mô đun đào tạo tự chọn được thiết kế sao cho tổng thời gian của các môn học, mô đun đào tạo tự chọn cộng với tổng thời gian của các môn học, mô đun đào tạo bắt buộc bằng hoặc lớn hơn thời gian thực học tối thiểu đã quy định nhưng không được quá thời gian thực học đã quy định trong kế hoạch đào tạo của toàn khóa học;

- Để xác định danh mục các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn, các trường cần căn cứ vào đặc thù riêng của ngành và điều kiện cụ thể của trường như:

- + Nhu cầu của người học (nhu cầu của các doanh nghiệp);
- + Trình độ đội ngũ giáo viên;
- + Cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học.

- Đối với môn Ngoại ngữ chuyên ngành 2, các trường có thể lựa chọn một ngoại ngữ khác Ngoại ngữ chuyên ngành 1 hoặc giống Ngoại ngữ chuyên ngành 1 ở trình độ nâng cao.

2. Hướng dẫn thi tốt nghiệp:

Số TT	Môn thi	Hình thức thi	Thời gian thi
1	Chính trị	Viết Trắc nghiệm	Không quá 120 phút Không quá 90 phút
2	Văn hóa Trung học phổ thông đối với hệ tuyển sinh Trung học cơ sở	Viết, trắc nghiệm	Theo quy định của Bộ Giáo dục và đào tạo
3	Kiến thức, kỹ năng nghề: - Lý thuyết nghề: + Ngoại ngữ chuyên ngành	Viết Vấn đáp	Không quá 120 phút Không quá 60 phút (40 phút chuẩn bị, 20 phút trả lời/học sinh)
	hoặc + Tổ chức kinh doanh nhà hàng	Viết Trắc nghiệm	Không quá 120 phút Không quá 90 phút
	- Thực hành nghề: Thực hành nghiệp vụ nhà hàng	Bài thi thực hành	Không quá 4 giờ
	* Mô đun tốt nghiệp (tích hợp lý thuyết với thực hành)	Bài thi tích hợp lý thuyết và thực hành	Không quá 24 giờ

3. Hướng dẫn xác định thời gian và nội dung cho các hoạt động giáo dục ngoại khóa (được bố trí ngoài thời gian đào tạo) nhằm đạt được mục tiêu giáo dục toàn diện:

- Quá trình đào tạo cần tổ chức các hoạt động ngoại khóa như văn hóa, văn nghệ, thể thao, tham quan dã ngoại để tăng cường khả năng giao tiếp cho học sinh. Ngoài ra cần trang bị các đầu sách, giáo trình tại thư viện để phục vụ quá trình nghiên cứu các kiến thức chuyên môn và tìm kiếm thông tin nghề nghiệp trên mạng Internet;

- Để học sinh có nhận thức đầy đủ về nghề nghiệp đang theo học, trường nên bố trí tham quan một số cơ sở doanh nghiệp đang sản xuất kinh doanh phù hợp với nghề đào tạo;

- Thời gian hoạt động ngoại khóa được bố trí ngoài thời gian đào tạo chính khóa.

Số TT	Hoạt động ngoại khóa	Hình thức	Thời gian	Mục tiêu
1	Chính trị đầu khóa	Tập trung	Sau khi nhập học	- Phổ biến các quy chế đào tạo nghề, nội quy của trường và lớp học; - Phân lớp, làm quen với giáo viên chủ nhiệm;

Số TT	Hoạt động ngoại khóa	Hình thức	Thời gian	Mục tiêu
2	Hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao, dã ngoại, vui chơi, giải trí và các hoạt động đoàn thể	Cá nhân, nhóm thực hiện hoặc sinh hoạt tập thể; Qua các phương tiện thông tin đại chúng. Ngoài ra, Đoàn thanh niên có thể tổ chức các buổi giao lưu, các buổi sinh hoạt vào các tối thứ 7, chủ nhật	5 giờ đến 6 giờ; 17 giờ đến 18 giờ hàng ngày hoặc ngoài giờ học hàng ngày Vào các ngày lễ lớn trong năm: - Lễ khai giảng năm học mới - Ngày thành lập Đảng, Đoàn - Ngày thành lập trường, lễ kỷ niệm 20/11, thành lập Ngành, các ngày lễ lớn trong năm	- Nâng cao kỹ năng giao tiếp, khả năng làm việc nhóm - Rèn luyện ý thức tổ chức kỷ luật, lòng yêu nghề, yêu trường
3	Tham quan phòng truyền thống của ngành, của trường	Tập trung	Vào dịp hè, ngày nghỉ trong tuần	Rèn luyện ý thức tổ chức kỷ luật, lòng yêu nghề, yêu trường
4	Tham quan thực tế	Tập trung, nhóm	Mỗi học kỳ một lần; hoặc trong quá trình thực tập	- Nhận thức đầy đủ về nghề - Tìm kiếm cơ hội việc làm
5	Đọc và tra cứu sách, tài liệu tại thư viện	Cá nhân	Ngoài thời gian học tập	- Nghiên cứu, bổ sung các kiến thức chuyên môn - Tìm kiếm thông tin nghề nghiệp trên mạng Internet

#### 4. Các chú ý khác:

- Căn cứ chương trình khung đã ban hành các Cơ sở dạy nghề sẽ xây dựng chương trình đào tạo và lựa chọn môn học, mô đun đào tạo phù hợp vùng, miền và địa phương;

- Khi các Cơ sở dạy nghề thiết kế hoặc lựa chọn xong các môn học, mô đun tự chọn có thể xếp sắp lại mã môn học, mô đun trong chương đào tạo của Cơ sở mình để dễ theo dõi quản lý./.

**Phụ lục 10B**  
**Chương trình khung trình độ cao đẳng nghề “Quản trị nhà hàng”**

Tên nghề: Quản trị nhà hàng

Mã nghề: 50810203

Trình độ đào tạo: Cao đẳng nghề

Đối tượng tuyển sinh: Tốt nghiệp Trung học phổ thông hoặc tương đương;

Số lượng môn học, mô đun đào tạo: 35

Bằng cấp sau khi tốt nghiệp: Bằng tốt nghiệp Cao đẳng nghề,

## **I. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO**

### *1. Kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp:*

- Kiến thức:

+ Trình bày được các kiến thức chuyên môn về tổ chức, đón tiếp và phục vụ khách ăn uống tại các nhà hàng, khách sạn và các cơ sở kinh doanh ăn uống khác;

+ Giải thích được các yêu cầu về tổ chức, đón tiếp và phục vụ khách ăn uống tại các nhà hàng, khách sạn và các cơ sở kinh doanh ăn uống khác;

+ Nhận biết được các hình thức phục vụ: ăn theo thực đơn, chọn món, buffet, các loại tiệc, các loại đồ uống pha chế, đồ uống không cồn, đồ uống có cồn, các hình thức phục vụ khác;

+ Xác định chính xác và kiểm tra, đánh giá được một số yêu cầu về chất lượng, vệ sinh, an toàn, an ninh, chu đáo và lịch sự trong quá trình phục vụ khách tại nhà hàng;

+ Giải thích được các kiến thức cơ bản về quản lý và tổ chức công việc trong nghề quản trị nhà hàng như: quản trị nhân lực, quản trị cơ sở vật chất kỹ thuật, tổ chức sản xuất và phục vụ, quản trị chất lượng, quản trị tài chính, hạch toán định mức;

+ Nhận thức và tiếp cận được các kiến thức về quản trị một cơ sở kinh doanh ăn uống trong cơ chế thị trường;

+ Quản lý, kiểm tra, đánh giá được các chỉ tiêu chất lượng trong phục vụ khách ăn uống tại nhà hàng, khách sạn và các cơ sở kinh doanh ăn uống khác;

+ Thiết kế, sắp xếp được một ca sản xuất/phục vụ khách tại nhà hàng;

+ Định mức được nhân công, nguyên liệu, chi phí để quá trình phục vụ khách diễn ra liên tục, đảm bảo chi phí sản xuất thấp nhất và đạt hiệu quả cao;

+ Trình bày được các kiến thức khác có liên quan đến nghề quản trị nhà hàng như:

. Các kiến thức cơ bản về Chính trị, Pháp luật, Quốc phòng;

. Các kiến thức bổ trợ nghề nghiệp như: ngoại ngữ, tin học, tâm lý và kỹ năng giao tiếp, kiến thức về thực phẩm và ăn uống (văn hóa ẩm thực, thương phẩm và



an toàn thực phẩm, xây dựng thực đơn, nghiệp vụ chế biến món ăn, sinh lý dinh dưỡng), tổ chức sự kiện, kỹ thuật trang trí và cắm hoa, môi trường và an ninh - an toàn trong nhà hàng;

+ Sử dụng được các thuật ngữ chuyên ngành trong quản trị nhà hàng;  
+ Giao tiếp được bằng tiếng Anh trong quá trình tham gia phục vụ khách tại nơi làm việc.

- Kỹ năng:

+ Đón tiếp khách thân thiện, đúng quy trình;  
+ Tổ chức được quá trình phục vụ khách tại các nhà hàng, khách sạn và các cơ sở kinh doanh ăn uống khác, với các hình thức phục vụ đa dạng khác nhau;

+ Lựa chọn và tổ chức triển khai linh hoạt các phương án phục vụ khách ăn uống theo yêu cầu của khách và thực tế nơi làm việc;

+ Pha chế được các loại đồ uống cơ bản;

+ Thao tác phục vụ khách ăn uống thành thạo, đúng tiêu chuẩn phù hợp với các với các hình thức phục vụ đa dạng khác nhau;

+ Tính toán, xây dựng được thực đơn theo yêu cầu và tư vấn khách lựa chọn thực đơn phù hợp;

+ Tổ chức được các hoạt động quản lý và triển khai thực hiện được các hoạt động nghiệp vụ trong nhà hàng, giám sát công việc của các nhóm phục vụ;

+ Kiểm tra được các chỉ tiêu chất lượng phục vụ ăn uống và thực hiện quá trình đánh giá chất lượng;

+ Làm việc độc lập, làm việc theo nhóm và ứng dụng kỹ thuật, công nghệ vào công việc;

+ Tính toán và định mức chính xác về nhân công, chi phí, trang thiết bị, dụng cụ trên cơ sở điều kiện thực tế của doanh nghiệp;

+ Giám sát được việc thực hiện các biện pháp vệ sinh, an ninh, an toàn và phòng chống cháy nổ trong quá trình chuẩn bị và phục vụ khách ăn uống;

+ Giải quyết được các tình huống phát sinh trong thời gian làm việc;

+ Đào tạo, bồi dưỡng, hướng dẫn, kèm cặp kỹ năng nghề cho nhân viên có bậc thợ thấp hơn;

+ Tìm được việc làm, tự tạo việc làm hoặc tiếp tục học lên trình độ cao hơn sau khi tốt nghiệp.

*2. Chính trị, đạo đức; Thái chất và quốc phòng:*

- Chính trị, đạo đức:

+ Nắm được một số kiến thức phổ thông, cơ bản về Chủ nghĩa Mác - Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh, chủ trương, chính sách và đường lối phát triển kinh tế của Đảng, về Hiến pháp và Pháp luật của Nhà nước;

+ Yêu nước, trung thành với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam Xã hội chủ nghĩa; thực hiện đầy đủ trách nhiệm, nghĩa vụ của người công dân; sống và làm việc theo Hiến pháp và Pháp luật;

+ Có hiểu biết về thành tựu và định hướng phát triển của ngành Du lịch Việt Nam;

+ Yêu nghề, có tác phong và thái độ phục vụ đúng đắn, phù hợp với thực tiễn ngành, nghề;

+ Có khả năng và thái độ tích cực làm việc độc lập và làm việc theo nhóm;

+ Có kỹ năng lao động nghề nghiệp, sống lành mạnh, phù hợp với phong tục tập quán, truyền thống văn hóa dân tộc và địa phương trong từng giai đoạn lịch sử;

+ Luôn có ý thức học tập và rèn luyện để nâng cao trình độ đáp ứng yêu cầu công việc.

- Thể chất, quốc phòng:

+ Xác định được các phương pháp rèn luyện thể chất và lựa chọn được phương pháp thích hợp bản thân;

+ Nắm được các kiến thức, kỹ năng cơ bản về thể dục thể thao và áp dụng được để tăng cường và bảo vệ sức khỏe;

+ Hình thành được lòng yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội, những hiểu biết cần thiết về quốc phòng toàn dân và lực lượng vũ trang nhân dân, xây dựng ý thức bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa;

+ Tích lũy được một số kiến thức về kỹ năng quân sự cần thiết làm cơ sở để học sinh thực hiện nhiệm vụ quân sự trong nhà trường, vận dụng nghề nghiệp chuyên môn phục vụ quốc phòng và sẵn sàng tham gia lực lượng vũ trang bảo vệ Tổ quốc.

*3. Cơ hội việc làm:*

Sau khi tốt nghiệp chương trình đào tạo Cao đẳng nghề, sinh viên sẽ:

- Trực tiếp tham gia quản lý, phục vụ tại các nhà hàng, khách sạn trong nước hoặc nước ngoài như:

+ Làm kỹ thuật viên nghiệp vụ Bàn, Bar;

+ Giám sát viên nghiệp vụ Bàn, Bar;

+ Làm tổ trưởng Bàn, Bar tại các nhà hàng khách sạn;

+ Trợ lý giám đốc nhà hàng, khách sạn;

- Có năng lực để tham gia học liên thông lên các bậc học cao hơn để phát triển kiến thức và kỹ năng nghề.

## **II. THỜI GIAN CỦA KHÓA HỌC VÀ THỜI GIAN THỰC HỌC TỐI THIỂU**

*1. Thời gian của khóa học và thời gian thực học tối thiểu:*

- Thời gian đào tạo: 3 năm

- Thời gian học tập: 131 tuần
- Thời gian thực học tối thiểu: 3750 giờ
- Thời gian ôn, kiểm tra hết môn học, mô đun và thi tốt nghiệp: 240 giờ;  
(Trong đó thi tốt nghiệp: 60 giờ)

2. Phân bố thời gian thực học tối thiểu:

- Thời gian học các môn học chung bắt buộc: 450 giờ
- Thời gian học các môn học đào tạo nghề: 3300 giờ
- + Thời gian học bắt buộc: 2310 giờ; Thời gian học tự chọn: 990 giờ
- + Thời gian học lý thuyết: 1155 giờ; Thời gian học thực hành: 2145 giờ

### III. DANH MỤC MÔN HỌC, MÔ ĐUN ĐÀO TẠO NGHỀ BẮT BUỘC, THỜI GIAN VÀ PHÂN BỐ THỜI GIAN

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun	Thời gian đào tạo (giờ)			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành, thảo luận	Kiểm tra
<b>I</b>	<b>Các môn học chung</b>	<b>450</b>	<b>220</b>	<b>200</b>	<b>30</b>
MH 01	Chính trị	90	60	24	6
MH 02	Pháp luật	30	21	7	2
MH 03	Giáo dục thể chất	60	4	52	4
MH 04	Giáo dục quốc phòng - An ninh	75	58	13	4
MH 05	Tin học	75	17	54	4
MH 06	Ngoại ngữ (Anh văn)	120	60	50	10
<b>II</b>	<b>Các môn học, mô đun đào tạo nghề bắt buộc</b>	<b>2310</b>	<b>515</b>	<b>1705</b>	<b>90</b>
<b>II.1</b>	<b>Các môn học, mô đun kỹ thuật cơ sở</b>	<b>150</b>	<b>140</b>	<b>0</b>	<b>10</b>
MH 07	Tổng quan du lịch và khách sạn	30	28	0	2
MH 08	Tâm lý khách du lịch	30	28	0	2
MĐ 09	Giao tiếp trong kinh doanh	45	42	0	3
MH 10	Phân tích hoạt động kinh doanh	45	42	0	3
<b>II.2</b>	<b>Các môn học, mô đun chuyên môn nghề</b>	<b>2160</b>	<b>375</b>	<b>1705</b>	<b>80</b>
MĐ 11	Ngoại ngữ chuyên ngành 1	450	120	300	30
MĐ 12	Nghiệp vụ Bàn	360	87	249	24
MH 13	Văn hóa ẩm thực	45	28	14	3

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun	Thời gian đào tạo (giờ)			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành, thảo luận	Kiểm tra
MĐ 14	Kỹ năng bán hàng trong nhà hàng	30	28	0	2
MĐ 15	Nghiệp vụ thanh toán	45	28	14	3
MĐ 16	Nghiệp vụ Bar	180	42	126	12
MĐ 17	Quản trị kinh doanh nhà hàng	90	42	42	6
MĐ 18	Thực hành nghiệp vụ nhà hàng (tại cơ sở)	960	0	960	0
<b>Tổng cộng</b>		<b>2760</b>	<b>935</b>	<b>1705</b>	<b>120</b>

#### IV. CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC, MÔ ĐUN ĐÀO TẠO BẮT BUỘC

(Nội dung chi tiết có Phụ lục kèm theo)

#### V. HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG CHƯƠNG TRÌNH KHUNG TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG NGHỀ ĐỂ XÁC ĐỊNH CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGHỀ

1. Hướng dẫn xác định danh mục các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn; thời gian, phân bổ thời gian và chương trình cho môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn:

1.1. Danh mục và phân bổ thời gian môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn:

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun tự chọn	Thời gian đào tạo (giờ)			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
MĐ 19	Tin học ứng dụng trong kinh doanh	45	12	30	3
MH 20	Marketing du lịch	45	42	0	3
MH 21	Quản lý chất lượng	45	42	0	3
MĐ 22	Xây dựng thực đơn	45	28	14	3
MH 23	Tổ chức sự kiện	30	28	0	2
MH 24	Thương phẩm và an toàn thực phẩm	30	28	0	2
MH 25	Sinh lý dinh dưỡng	30	28	0	2
MH 26	Hạch toán định mức	45	42	0	3
MH 27	Môi trường và an ninh - an toàn trong nhà hàng	30	28	0	2

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun tự chọn	Thời gian đào tạo (giờ)			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
MH 28	Pháp luật kinh tế	45	42	0	3
MH 29	Nguyên lý kế toán	45	42	0	3
MH 30	Nghiệp vụ văn phòng	45	42	0	3
MĐ 31	Nghiệp vụ lưu trú	90	27	57	6
MĐ 32	Nghiệp vụ chế biến món ăn	120	57	55	8
MĐ 33	Kỹ thuật trang điểm và cắm hoa	30	12	16	2
MH 34	Thống kê doanh nghiệp	45	42	0	3
MH 35	Quản trị học	45	42	0	3
MH 36	Hệ thống thông tin quản lý	45	42	0	3
MH 37	Toán kinh tế	60	56	0	4
MH 38	Quản trị doanh nghiệp	60	56	0	4
MĐ 39	Ngoại ngữ chuyên ngành 2	195	32	150	13

(Nội dung chi tiết có Phụ lục kèm theo)

### 1.2. Hướng dẫn xây dựng chương trình các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn:

- Căn cứ vào Quyết định số 58/2008/QĐ-BLĐTBXH ngày 09 tháng 6 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, việc phân bổ thời gian cho các môn học và các mô đun đào tạo nghề được quy định như sau:

+ Thời gian dành cho các môn học, mô đun đào tạo nghề bắt buộc chiếm từ 70% đến 80%, dành cho các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn chiếm từ 20% đến 30%;

+ Thời gian giữa lý thuyết và thực hành: lý thuyết chiếm từ 15% đến 30%, thực hành chiếm từ 70% đến 85%;

+ Các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn được xác định dựa trên kết quả điều tra, khảo sát nghề nghiệp vụ nhà hàng ở nhiều doanh nghiệp trong cả nước và xét đến xu thế phát triển nghề trong giai đoạn tới. Để xác định thời gian đào tạo cho các mô đun tự chọn cũng cần phải phân tích công việc qua các phiếu phân tích công việc như đối với các mô đun đào tạo nghề bắt buộc;

- Ví dụ: có thể lựa chọn các môn học, mô đun có trong danh mục môn học, mô đun lựa chọn ở trên để áp dụng và xây dựng đề cương chi tiết chương trình đào tạo, cụ thể như sau:

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun tự chọn	Thời gian đào tạo (giờ)			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
MĐ 19	Tin học ứng dụng trong kinh doanh	45	12	30	3
MH 20	Marketing du lịch	45	42	0	3
MĐ 22	Xây dựng thực đơn	45	28	14	3
MH 23	Tổ chức sự kiện	30	28	0	2
MH 24	Thương phẩm và an toàn thực phẩm	30	28	0	2
MH 25	Sinh lý dinh dưỡng	30	28	0	2
MH 26	Hạch toán định mức	45	42	0	3
MH 27	Môi trường và an ninh - an toàn trong nhà hàng	30	28	0	2
MH 28	Pháp luật kinh tế	45	42	0	3
MH 30	Nghiệp vụ văn phòng	45	42	0	3
MH 31	Nghiệp vụ lưu trú	90	27	57	6
MH 32	Nghiệp vụ chế biến món ăn	120	57	55	8
MĐ 33	Kỹ thuật trang điểm và cắm hoa	30	12	16	2
MH 34	Thống kê doanh nghiệp	45	42	0	3
MH 37	Toán kinh tế	60	56	0	4
MH 38	Quản trị doanh nghiệp	60	56	0	4
MĐ 39	Ngoại ngữ chuyên ngành 2	195	32	150	13
<b>Tổng cộng</b>		<b>990</b>	<b>602</b>	<b>322</b>	<b>66</b>

- Ban chủ nhiệm xây dựng chương trình khung Cao đẳng nghề đã xây dựng, ngoài các môn học, mô đun đào tạo bắt buộc nêu trong phần III, các Cơ sở dạy nghề có thể tự xây dựng các môn học, mô đun đào tạo tự chọn hoặc lựa chọn trong số các môn học, mô đun đào tạo tự chọn được đề nghị trong chương trình khung phần V mục 1.1;

- Thời gian dành cho các môn học, mô đun đào tạo tự chọn được thiết kế sao cho tổng thời gian của các môn học, mô đun đào tạo tự chọn cộng với tổng thời gian của các môn học, mô đun đào tạo bắt buộc bằng hoặc lớn hơn thời gian thực học tối thiểu đã quy định nhưng không được quá thời gian thực học đã quy định trong kế hoạch đào tạo của toàn khóa học;

- Để xác định danh mục các môn học, mô đun đào tạo nghề tự chọn, các Cơ sở dạy nghề cần căn cứ vào đặc thù riêng của ngành và điều kiện cụ thể của Cơ sở mình như:

- + Nhu cầu của người học (nhu cầu của các doanh nghiệp);
- + Trình độ đội ngũ giáo viên;
- + Cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học.

- Đối với môn Ngoại ngữ chuyên ngành 2, các Cơ sở dạy nghề có thể lựa chọn một ngoại ngữ khác Ngoại ngữ chuyên ngành 1 hoặc giống Ngoại ngữ chuyên ngành 1 ở trình độ nâng cao.

### 2. Hướng dẫn thi tốt nghiệp:

Số TT	Môn thi	Hình thức thi	Thời gian thi
1	Chính trị	Viết Trắc nghiệm	Không quá 120 phút Không quá 90 phút
2	Kiến thức, kỹ năng nghề: - Lý thuyết nghề: + Ngoại ngữ chuyên ngành;  hoặc	Viết Vấn đáp	Không quá 120 phút Không quá 60 phút (40 phút chuẩn bị, 20 phút trả lời/sinh viên)
	+ Quản trị kinh doanh nhà hàng  - Thực hành nghề: Thực hành nghiệp vụ nhà hàng	Viết Trắc nghiệm  Bài thi thực hành	Không quá 120 phút Không quá 90 phút  Không quá 4 giờ
	* Mô đun tốt nghiệp (tích hợp giữa lý thuyết với thực hành)	Bài thi tích hợp lý thuyết và thực hành	Không quá 24 giờ

3. Hướng dẫn xác định thời gian và nội dung cho các hoạt động giáo dục ngoại khóa (được bố trí ngoài thời gian đào tạo) nhằm đạt được mục tiêu giáo dục toàn diện:

- Quá trình đào tạo cần tổ chức các hoạt động ngoại khóa như văn hóa, văn nghệ, thể thao, tham quan dã ngoại để tăng cường khả năng giao tiếp cho sinh viên. Ngoài ra cần trang bị các đầu sách, giáo trình tại thư viện để phục vụ quá trình nghiên cứu các kiến thức chuyên môn và tìm kiếm thông tin nghề nghiệp trên mạng Internet;

- Để sinh viên có nhận thức đầy đủ về nghề nghiệp đang theo học, trường nên bố trí tham quan một số cơ sở doanh nghiệp đang sản xuất kinh doanh phù hợp với nghề đào tạo;

- Thời gian hoạt động ngoại khóa được bố trí ngoài thời gian đào tạo chính khóa.

Số TT	Hoạt động ngoại khóa	Hình thức	Thời gian	Mục tiêu
1	Chính trị đầu khóa	Tập trung	Sau khi nhập học	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Phổ biến các quy chế đào tạo nghề, nội quy của trường và lớp học</li> <li>- Phân lớp, làm quen với giáo viên chủ nhiệm</li> </ul>
2	Hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao, dã ngoại, vui chơi, giải trí và các hoạt động đoàn thể	Cá nhân, nhóm thực hiện hoặc sinh hoạt tập thể; Qua các phương tiện thông tin đại chúng. Ngoài ra, Đoàn thanh niên có thể tổ chức các buổi giao lưu, các buổi sinh hoạt vào các tối thứ 7, chủ nhật	5 giờ đến 6 giờ; 17 giờ đến 18 giờ hàng ngày hoặc ngoài giờ học hàng ngày Vào các ngày lễ lớn trong năm: - Lễ khai giảng năm học mới - Ngày thành lập Đảng, Đoàn - Ngày thành lập trường, lễ kỷ niệm 20/11, thành lập Ngành, các ngày lễ lớn trong năm	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nâng cao kỹ năng giao tiếp, khả năng làm việc nhóm</li> <li>- Rèn luyện ý thức tổ chức kỷ luật, lòng yêu nghề, yêu trường</li> </ul>
3	Tham quan phòng truyền thống của ngành, của trường	Tập trung	Vào dịp hè, ngày nghỉ trong tuần	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Rèn luyện ý thức tổ chức kỷ luật, lòng yêu nghề, yêu trường</li> </ul>
4	Tham quan thực tế	Tập trung, nhóm	Mỗi học kỳ một lần; hoặc trong quá trình thực tập	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhận thức đầy đủ về nghề</li> <li>- Tìm kiếm cơ hội việc làm</li> </ul>
5	Đọc và tra cứu sách, tài liệu tại thư viện	Cá nhân	Ngoài thời gian học tập	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghiên cứu, bổ sung các kiến thức chuyên môn</li> <li>- Tìm kiếm thông tin nghề nghiệp trên mạng Internet</li> </ul>



*4. Các chú ý khác:*

- Căn cứ Chương trình khung đã ban hành các Cơ sở dạy nghề sẽ xây dựng Chương trình đào tạo và lựa chọn môn học, mô đun đào tạo phù hợp vùng, miền và địa phương;

- Khi các Cơ sở dạy nghề thiết kế hoặc lựa chọn xong các môn học, mô đun tự chọn có thể xếp sắp lại mã môn học, mô đun trong chương đào tạo của Cơ sở mình để dễ theo dõi quản lý./.